



PRODUCT CATALOG



Beijing Fule Science & Technology Development Co Add:
No.50, Mafang West Industry Zone, Pinggu District, Beijing Sale
hot lines: 010-60999861/2
Tel: 010-60999866/32/75/17
Email: YXSC@fulekeji.com
Post Code: 101204 Fax:
010-60999863/8741

Locking Plates System - 1.5/2.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 1.5/2.0

1.5 Straight Plate I

Nẹp khóa bàn ngón thẳng 1.5



Remarks	
Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ1.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ1.5mm, tự taro Φ1.5mm bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ1.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ1.5mm, tự taro Φ1.5mm bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	4.25mm/1mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	4.25mm/1mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20200046	FZz	6 holes 6 lỗ	29.25	N/A
20200047	FZz	12 holes 12 lỗ	59.25	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 1.5/2.0

2.0 Straight Mini Plate I

Nẹp khóa mini thẳng I 2.0



Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: <i>Vít đầu nẹp:</i>	Φ2.0mm locking screws, self-tapping <i>Vít khóa Φ2.0mm, tự taro</i> Φ2.0mm bone screws, self-tapping <i>Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro</i>
Shaft Screw: <i>Vít thân nẹp:</i>	Φ2.0mm locking screws, self-tapping <i>Vít khóa Φ2.0mm, tự taro</i> Φ2.0mm bone screws, self-tapping <i>Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro</i>
Width & Thickness of head: <i>Đầu nẹp rộng & dày:</i>	4.6mm/1mm
Width & Thickness of Stem: <i>Thân nẹp rộng & dày:</i>	4.6mm/1mm
Distance between Holes: <i>Khoảng cách lỗ:</i>	6mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
21700056	FZq	6 holes <i>6 lỗ</i>	34.5	N/A
21700057	FZq	8 holes <i>8 lỗ</i>	46.5	N/A
21700058	FZq	12 holes <i>12 lỗ</i>	70.5	N/A
21700059	FZq	16 holes <i>16 lỗ</i>	94.5	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 1.5/2.0



1.5 Y Mini Plate I

Nẹp khóa mini chữ Y I 1.5

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ1.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ1.5mm, tự taro Φ1.5mm bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ1.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ1.5mm, tự taro Φ1.5mm bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	4.25mm/1mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	4.25mm/1mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20200054	FYZ	4 holes 4 lỗ	25.75	N/A
20200055	FYZ	8 holes 8 lỗ	45.75	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0
Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 1.5/2.0



2.0 Y Mini Plate - I

Nẹp khóa mini chữ Y 2.0 - I (bàn ngón)

Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: <i>Vít đầu nẹp:</i>	Φ2.0mm locking screws, self-tapping <i>Vít khóa Φ2.0mm, tự taro</i> Φ2.0mm bone screws, self-tapping <i>Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro</i>
Shaft Screw: <i>Vít thân nẹp:</i>	Φ2.0mm locking screws, self-tapping <i>Vít khóa Φ2.0mm, tự taro</i> Φ2.0mm bone screws, self-tapping <i>Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro</i>
Width & Thickness of head: <i>Đầu nẹp rộng & dày:</i>	5mm/1.3mm
Width & Thickness of Stem: <i>Thân nẹp rộng & dày:</i>	5mm/1.3mm
Distance between Holes: <i>Khoảng cách lỗ:</i>	6.8mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
20200084	FYq	3 holes <i>3 lỗ</i>	27.1	N/A
20200085	FYq	5 holes <i>5 lỗ</i>	40.7	N/A
20200086	FYq	7 holes <i>7 lỗ</i>	54.3	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 1.5/2.0



2.0 Y Mini Plate II

Nẹp khóa mini chữ Y II 2.0 (đầu dưới xương trụ)

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 2.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 2.0mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 2.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 2.0mm, tự taro Φ 2.0mm bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 2.0mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	4mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	5mm/1.3mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Đài	Remarks Mô tả
4813008046	FYf	8 holes 8 lỗ	46	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 1.5/2.0

1.5 T Mini Plate II

Nẹp khóa mini chữ T II 1.5



Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ1.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ1.5mm, tự taro Φ1.5mm bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ1.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ1.5mm, tự taro Φ1.5mm bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	4.25mm/1mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	4.25mm/1mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20200050	FYf	3+4 holes 3+4 lỗ	24.25	N/A
20200051	FYf	3+8 holes 3+8 lỗ	44.25	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 1.5/2.0



2.0 T Mini Plate - II

Nẹp khóa mini chữ T 2.0 - II (bàn ngón)

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ2.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ2.0mm, tự taro Φ2.0mm bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ2.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ2.0mm, tự taro Φ2.0mm bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	5mm/1.3mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	5mm/1.3mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	6.8mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20200075	FYz	3 + 3 holes 3 + 3 lỗ	25.3	N/A
20200076	FYz	3 + 5 holes 3 + 5 lỗ	38.9	N/A
20200077	FYz	3 + 7 holes 3 + 7 lỗ	52.5	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0
Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



T Mini Plate

Nẹp khóa mini chữ T (chôm quay)

Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: <i>Vít đầu nẹp:</i>	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping <i>Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro</i>
Shaft Screw: <i>Vít thân nẹp:</i>	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping <i>Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro</i> Φ 2.7mm titanium bone screws, self-tapping <i>Vít xương cứng Φ 2.7mm, tự taro</i>
Width & Thickness of head: <i>Đầu nẹp rộng & dày:</i>	18mm/1.7mm
Width & Thickness of Stem: <i>Thân nẹp rộng & dày:</i>	8.7mm/1.8mm
Distance between Holes: <i>Khoảng cách lỗ:</i>	15mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
4808003031	FYf	4 + 3 holes <i>4 + 3 lỗ</i>	31	N/A
4808005046	FYf	4 + 5 holes <i>4 + 5 lỗ</i>	46	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0

Distal Volar Radius Plate I

Nẹp khóa đầu dưới xương quay I



Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	25mm/1mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	9.3mm/2.5mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	8mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4810103055	FYz	7 + 3 holes, left 7 + 3 lỗ, trái	51.5	N/A
4810104060	FYz	7 + 4 holes, left 7 + 4 lỗ, trái	59.5	N/A
4810105068	FYz	7 + 5 holes, left 7 + 5 lỗ, trái	67.5	N/A
4810106076	FYz	7 + 6 holes, left 7 + 6 lỗ, trái	75.5	N/A
4810107084	FYz	7 + 7 holes, left 7 + 7 lỗ, trái	83.5	N/A
4810108092	FYz	7 + 8 holes, left 7 + 8 lỗ, trái	91.5	N/A
4810203055	FYz	7 + 3 holes, right 7 + 3 lỗ, phải	51.5	N/A
4810204060	FYz	7 + 4 holes, right 7 + 4 lỗ, phải	59.5	N/A
4810205068	FYz	7 + 5 holes, right 7 + 5 lỗ, phải	67.5	N/A
4810206076	FYz	7 + 6 holes, right 7 + 6 lỗ, phải	75.5	N/A
4810207084	FYz	7 + 7 holes, right 7 + 7 lỗ, phải	83.5	N/A
4810208092	FYz	7 + 8 holes, right 7 + 8 lỗ, phải	91.5	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Distal Volar Radius Plate II (polyaxial)
Nẹp khóa đầu dưới xương quay II (đa hướng)

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 2.7mm locking screws (polyaxial), self-tapping Vít khóa Φ 2.7mm (đa hướng), tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro Φ 2.7mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 2.7mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	22mm/1.4mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	8mm/2.4mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	11mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4822100047	FYw	6+2H, Left 6+2H, trái	47	N/A
4822200047	FYw	6+2H, Right 6+2H, phải	47	N/A
4823103055	FYw	6+3H, Left 6+3H, trái	55	N/A
4823203052	FYw	6+3H, Right 6+3H, phải	55	N/A
4823104063	FYw	6+4H, Left 6+4H, trái	66	N/A
4823204063	FYw	6+4H, Right 6+4H, phải	66	N/A
4823105071	FYw	6+5H, Left 6+5H, trái	74	N/A
4823205071	FYw	6+5H, Right 6+5H, phải	74	N/A
4823107087	FYw	6+7H, Left 6+7H, trái	90	N/A
4823207087	FYw	6+7H, Right 6+7H, phải	90	N/A
4823109103	FYw	6+9H, Left 6+9H, trái	106	N/A
4823209103	FYw	6+9H, Right 6+9H, phải	106	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0

Distal Volar Radius Plate II (polyaxial)

Nẹp khóa đầu dưới xương quay II (đa hướng)



Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 2.7mm locking screws (polyaxial), self-tapping Vít khóa Φ 2.7mm (đa hướng), tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro Φ 2.7mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 2.7mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	25.5mm/1.4mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	8mm/2.4mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	11mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20300021	FYw	7 + 2 holes, Left 7 + 2 lỗ, trái	47	N/A
20300022	FYw	7 + 2 holes, Right 7 + 2 lỗ, phải	47	N/A
20300023	FYw	7 + 3 holes, Left 7 + 3 lỗ, trái	55	N/A
20300024	FYw	7 + 3 holes, Right 7 + 3 lỗ, phải	55	N/A
20300026	FYw	7 + 4 holes, Left 7 + 4 lỗ, trái	66	N/A
20300027	FYw	7 + 4 holes, Right 7 + 4 lỗ, phải	66	N/A
20300028	FYw	7 + 5 holes, Left 7 + 5 lỗ, trái	74	N/A
20300029	FYw	7 + 5 holes, Right 7 + 5 lỗ, phải	74	N/A
20300030	FYw	7 + 7 holes, Left 7 + 7 lỗ, trái	90	N/A
20300031	FYw	7 + 7 holes, Right 7 + 7 lỗ, phải	90	N/A
20300032	FYw	7 + 9 holes, Left 7 + 9 lỗ, trái	106	N/A
20300033	FYw	7 + 9 holes, Right 7 + 9 lỗ, phải	106	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Narrow Straight Plate - II

Nẹp khóa bản nhỏ thẳng - II

Remarks	
Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự tào
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự tào Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự tào
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	8.5mm/2mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	11mm/3.2mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	12mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20300149	FZz	4 holes 4 lỗ	51	N/A
20300150	FZz	5 holes 5 lỗ	66	N/A
20300151	FZz	6 holes 6 lỗ	81	N/A
20300152	FZz	7 holes 7 lỗ	96	N/A
20300153	FZz	8 holes 8 lỗ	107	N/A
20300154	FZz	9 holes 9 lỗ	122	N/A
20300155	FZz	10 holes 10 lỗ	135	N/A
20300156	FZz	12 holes 12 lỗ	159	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Olecranon Shaped Plate I

Nẹp khóa mỏm khuỷu - I

Remarks	
Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	14.8mm/2mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	10.1mm/2.9mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	13mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4419702080	FYf	8 + 2 holes, Left 8 + 2 lỗ, trái	80	N/A
4419802080	FYf	8 + 2 holes, Right 8 + 2 lỗ, phải	80	N/A
4419704106	FYf	8 + 4 holes, Left 8 + 4 lỗ, trái	106	N/A
4419804106	FYf	8 + 4 holes, Right 8 + 4 lỗ, phải	106	N/A
4419706132	FYf	8 + 6 holes, Left 8 + 6 lỗ, trái	132	N/A
4419806132	FYf	8 + 6 holes, Right 8 + 6 lỗ, phải	132	N/A
4419708158	FYf	8 + 8 holes, Left 8 + 8 lỗ, trái	158	N/A
4419808158	FYf	8 + 8 holes, Right 8 + 8 lỗ, phải	158	N/A
4419710184	FYf	8 + 10 holes, Left 8 + 10 lỗ, trái	184	N/A
4419810184	FYf	8 + 10 holes, Right 8 + 10 lỗ, phải	184	N/A
4419712210	FYf	8 + 12 holes, Left 8 + 12 lỗ, trái	210	N/A
4419812210	FYf	8 + 12 holes, Right 8 + 12H, phải	210	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Proximal Humeral Plate - I

Nẹp khóa trên xương cánh tay - I

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	20.3mm/1.6mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	12.3mm/3mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	12mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4484602090	FYf	10 + 2 holes 10 + 2 lỗ	90	N/A
4484603102	FYf	10 + 3 holes 10 + 3 lỗ	102	N/A
4484604114	FYf	10 + 4 holes 10 + 4 lỗ	114	N/A
4807005126	FYf	10 + 5 holes 10 + 5 lỗ	126	N/A
4807006138	FYf	10 + 6 holes 10 + 6 lỗ	138	N/A
4807007150	FYf	10 + 7 holes 10 + 7 lỗ	150	N/A
4807008162	FYf	10 + 8 holes 10 + 8 lỗ	162	N/A
4807009174	FYf	10 + 9 holes 10 + 9 lỗ	174	N/A
4807010186	FYf	10 + 10 holes 10 + 10 lỗ	186	N/A
4807011198	FYf	10 + 11 holes 10 + 11 lỗ	198	N/A
4807012210	FYf	10 + 12 holes 10 + 12 lỗ	210	N/A
4807013222	FYf	10 + 13 holes 10 + 13 lỗ	222	N/A
4807014234	FYf	10 + 14 holes 10 + 14 lỗ	234	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Distal Medial Humeral Plate - II

Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong - II

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	11.4mm/1.7mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	11.4mm/2.5mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	13mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4180703058	FYf	3 + 3 holes, Left 3 + 3 lỗ, trái	58	N/A
4180803058	FYf	3 + 3 holes, Right 3 + 3 lỗ, phải	58	N/A
4180704071	FYf	3 + 4 holes, Left 3 + 4 lỗ, trái	71	N/A
4180804071	FYf	3 + 4 holes, Right 3 + 4 lỗ, phải	71	N/A
4180705084	FYf	3 + 5 holes, Left 3 + 5 lỗ, trái	84	N/A
4180805084	FYf	3 + 5 holes, Right 3 + 5 lỗ, phải	84	N/A
4180706097	FYf	3 + 6 holes, Left 3 + 6 lỗ, trái	97	N/A
4180806097	FYf	3 + 6 holes, Right 3 + 6 lỗ, phải	97	N/A
4180707110	FYf	3 + 7 holes, Left 3 + 7 lỗ, trái	110	N/A
4180807110	FYf	3 + 7 holes, Right 3 + 7 lỗ, phải	110	N/A
4180708123	FYf	3 + 8 holes, Left 3 + 8 lỗ, trái	123	N/A
4180808123	FYf	3 + 8 holes, Right 3 + 8 lỗ, phải	123	N/A
4180709136	FYf	3 + 9 holes, Left 3 + 9 lỗ, trái	136	N/A
4180809136	FYf	3 + 9 holes, Right 3 + 9 lỗ, phải	136	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Distal Lateral Humeral Plate - I

Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài - I

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	20.7mm/2.5mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	11.2mm/2.5mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	13mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4851103064	FYf	6 + 3 holes, Left 6 + 3 lỗ, trái	64	N/A
4851203064	FYf	6 + 3 holes, Right 6 + 3 lỗ, phải	64	N/A
4851104077	FYf	6 + 4 holes, Left 6 + 4 lỗ, trái	77	N/A
4851204077	FYf	6 + 4 holes, Right 6 + 4 lỗ, phải	77	N/A
4851105090	FYf	6 + 5 holes, Left 6 + 5 lỗ, trái	90	N/A
4851205090	FYf	6 + 5 holes, Right 6 + 5 lỗ, phải	90	N/A
4851106103	FYf	6 + 6 holes, Left 6 + 6 lỗ, trái	103	N/A
4851206103	FYf	6 + 6 holes, Right 6 + 6 lỗ, phải	103	N/A
4851107116	FYf	6 + 7 holes, Left 6 + 7 lỗ, trái	116	N/A
4851207116	FYf	6 + 7 holes, Right 6 + 7 lỗ, phải	116	N/A
4851108129	FYf	6 + 8 holes, Left 6 + 8 lỗ, trái	129	N/A
4851208129	FYf	6 + 8 holes, Right 6 + 8 lỗ, phải	129	N/A
4851109142	FYf	6 + 9 holes, Left 6 + 9 lỗ, trái	142	N/A
4851209142	FYf	6 + 9 holes, Right 6 + 9 lỗ, phải	142	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0
Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0

Clavicle Hook Plate
Nẹp khóa xương đòn có móc

Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: <i>Vít đầu nẹp:</i>	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping <i>Vít khóa Φ 3.5mm, tự tào</i> Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping <i>Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự tào</i>
Shaft Screw: <i>Vít thân nẹp:</i>	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping <i>Vít khóa Φ 3.5mm, tự tào</i> Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping <i>Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự tào</i>
Width & Thickness of head: <i>Đầu nẹp rộng & dày:</i>	19mm/2.2mm
Width & Thickness of Stem: <i>Thân nẹp rộng & dày:</i>	10mm/3.5mm
Distance between Holes: <i>Khoảng cách lỗ:</i>	10mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
4455703052	FYf	3 holes, Left, hook depth 15mm <i>3 lỗ, trái, móc nẹp 15mm</i>	52	N/A
4455803052	FYf	3 holes, Right, hook depth 15mm <i>3 lỗ, phải, móc nẹp 15mm</i>	52	N/A
4455704062	FYf	4 holes, Left, hook depth 15mm <i>4 lỗ, trái, móc nẹp 15mm</i>	62	N/A
4455804062	FYf	4 holes, Right, hook depth 15mm <i>4 lỗ, phải, móc nẹp 15mm</i>	62	N/A
4455705072	FYf	5 holes, Left, hook depth 15mm <i>5 lỗ, trái, móc nẹp 15mm</i>	72	N/A
4455805072	FYf	5 holes, Right, hook depth 15mm <i>5 lỗ, phải, móc nẹp 15mm</i>	72	N/A
4455706082	FYf	6 holes, Left, hook depth 15mm <i>6 lỗ, trái, móc nẹp 15mm</i>	82	N/A
4455806082	FYf	6 holes, Right, hook depth 15mm <i>6 lỗ, phải, móc nẹp 15mm</i>	82	N/A
4455707095	FYf	7 holes, Left, hook depth 15mm <i>7 lỗ, trái, móc nẹp 15mm</i>	95	N/A
4455807095	FYf	7 holes, Right, hook depth 15mm <i>7 lỗ, phải, móc nẹp 15mm</i>	95	N/A
4455708106	FYf	8 holes, Left, hook depth 15mm <i>8 lỗ, trái, móc nẹp 15mm</i>	106	N/A
4455808106	FYf	8 holes, Right, hook depth 15mm <i>8 lỗ, phải, móc nẹp 15mm</i>	106	N/A
4454703052	FYf	3 holes, Left, hook depth 18mm <i>3 lỗ, trái, móc nẹp 18mm</i>	52	N/A
4454803052	FYf	3 holes, Right, hook depth 18mm <i>3 lỗ, phải, móc nẹp 18mm</i>	52	N/A
4454704062	FYf	4 holes, Left, hook depth 18mm <i>4 lỗ, trái, móc nẹp 18mm</i>	62	N/A
4454804062	FYf	4 holes, Right, hook depth 18mm <i>4 lỗ, phải, móc nẹp 18mm</i>	62	N/A
4454705072	FYf	5 holes, Left, hook depth 18mm <i>5 lỗ, trái, móc nẹp 18mm</i>	72	N/A
4454805072	FYf	5 holes, Right, hook depth 18mm <i>5 lỗ, phải, móc nẹp 18mm</i>	72	N/A
4454706082	FYf	6 holes, Left, hook depth 18mm <i>6 lỗ, trái, móc nẹp 18mm</i>	82	N/A
4454806082	FYf	6 holes, Right, hook depth 18mm <i>6 lỗ, phải, móc nẹp 18mm</i>	82	N/A
4454707095	FYf	7 holes, Left, hook depth 18mm <i>7 lỗ, trái, móc nẹp 18mm</i>	95	N/A
4454807095	FYf	7 holes, Right, hook depth 18mm <i>7 lỗ, phải, móc nẹp 18mm</i>	95	N/A
4454708106	FYf	8 holes, Left, hook depth 18mm <i>8 lỗ, trái, móc nẹp 18mm</i>	106	N/A
4454808106	FYf	8 holes, Right, hook depth 18mm <i>8 lỗ, phải, móc nẹp 18mm</i>	106	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Mid - Clavicle plate

Nẹp khóa giữa xương đòn

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự tào
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự tào Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự tào
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	10mm/3.2mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	10mm/3.2mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	11mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4819106094	FYf	6 holes, Left 6 lỗ, trái	94	N/A
4819206094	FYf	6 holes, Right 6 lỗ, phải	94	N/A
4819107107	FYf	7 holes, Left 7 lỗ, trái	106.5	N/A
4819207107	FYf	7 holes, Right 7 lỗ, phải	106.5	N/A
4819108118	FYf	8 holes, Left 8 lỗ, trái	117.5	N/A
4819208118	FYf	8 holes, Right 8 lỗ, phải	117.5	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Mid - Clavicle plate S

Nẹp khóa thân xương đòn chữ S

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	10mm/3mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	10mm/3mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	12mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4845106069	FYz	6 holes, Left 6 lỗ, trái	69.5	N/A
4845206069	FYz	6 holes, Right 6 lỗ, phải	69.5	N/A
4845107081	FYz	7 holes, Left 7 lỗ, trái	81.5	N/A
4845207081	FYz	7 holes, Right 7 lỗ, phải	81.5	N/A
4845108093	FYz	8 holes, Left 8 lỗ, trái	93	N/A
4845208093	FYz	8 holes, Right 8 lỗ, phải	93	N/A
4845108104	FYz	9 holes, Left 9 lỗ, trái	105	N/A
4845208104	FYz	9 holes, Right 9 lỗ, phải	105	N/A
4845110115	FYz	10 holes, Left 10 lỗ, trái	115.5	N/A
4845210115	FYz	10 holes, Right 10 lỗ, phải	115.5	N/A
4845112135	FYz	12 holes, Left 12 lỗ, trái	135	N/A
4845212135	FYz	12 holes, Right 12 lỗ, phải	135	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Distal Clavicle Plate - I

Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn - I

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 2.7mm, tự tào
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự tào Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự tào
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	16mm/3mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	10mm/3.4mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	12mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4820104069	FYf	6+3H, Left 6+3H, trái	69	N/A
4820204069	FYf	6+3H, Right 6+3H, phải	69	N/A
4820105081	FYf	6+4H, Left 6+4H, trái	81	N/A
4820205081	FYf	6+4H, Right 6+4H, phải	81	N/A
4820106094	FYf	6+5H, Left 6+5H, trái	94	N/A
4820206094	FYf	6+5H, Right 6+5H, phải	94	N/A
4820107108	FYf	6+6H, Left 6+6H, trái	108	N/A
4820207108	FYf	6+6H, Right 6+6H, phải	108	N/A
4820108123	FYf	6+7H, Left 6+7H, trái	123	N/A
4820208123	FYf	6+7H, Right 6+7H, phải	123	N/A
4820109135	FYf	6+8H, Left 6+8H, trái	135	N/A
4820209135	FYf	6+8H, Right 6+8H, phải	135	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



1/3 Tubular Shaped Plate

Nẹp khóa lòng máng 1/3

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	10mm/2mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	10mm/2mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	12mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4165605064	FZz	5 holes 5 lỗ	64	N/A
4165606076	FZz	6 holes 6 lỗ	76	N/A
4165607088	FZz	7 holes 7 lỗ	88	N/A
4165608100	FZz	8 holes 8 lỗ	100	N/A
4165610124	FZz	10 holes 10 lỗ	124	N/A
4165610148	FZz	12 holes 12 lỗ	148	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0
Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0

Distal Medial Tibia Plate - I
Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong - I

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	20.5mm/2mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	10.5mm/4mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	13mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
370601002	FYf	9+6 holes, Left 9+6 lỗ, trái	148	N/A
370606002	FYf	9+6 holes, Right 9+6 lỗ, phải	148	N/A
370602002	FYf	9+8 holes, Left 9+8 lỗ, trái	174	N/A
370607002	FYf	9+8 holes, Right 9+8 lỗ, phải	174	N/A
370603002	FYf	9+10 holes, Left 9+10 lỗ, trái	200	N/A
370608002	FYf	9+10 holes, Right 9+10 lỗ, phải	200	N/A
370604002	FYf	9+12 holes, Left 9+12 lỗ, trái	226	N/A
370609002	FYf	9+12 holes, Right 9+12 lỗ, phải	226	N/A
370605002	FYf	9+14 holes, Left 9+14 lỗ, trái	252	N/A
370610002	FYf	9+14 holes, Right 9+14 lỗ, phải	252	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0
Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0
Distal Lateral Tibia Plate I
Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trước - I


Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: <i>Vít đầu nẹp:</i>	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping <i>Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro</i>
Shaft Screw: <i>Vít thân nẹp:</i>	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping (polyaxial) <i>Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro (đa hướng)</i> Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping <i>Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro</i>
Width & Thickness of head: <i>Đầu nẹp rộng & dày:</i>	32.5mm/2.4mm
Width & Thickness of Stem: <i>Thân nẹp rộng & dày:</i>	15mm/3.4mm
Distance between Holes: <i>Khoảng cách lỗ:</i>	15mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
3804104082	FYf	6+4 holes, Left <i>6+4 lỗ, trái</i>	82	N/A
3804204082	FYf	6+4 holes, Right <i>6+4 lỗ, phải</i>	82	N/A
3804106112	FYf	6+6 holes, Left <i>6+6 lỗ, trái</i>	112	N/A
3804206112	FYf	6+6 holes, Right <i>6+6 lỗ, phải</i>	112	N/A
3804108142	FYf	6+8 holes, Left <i>6+8 lỗ, trái</i>	142	N/A
3804208142	FYf	6+8 holes, Right <i>6+8 lỗ, phải</i>	142	N/A
3804110172	FYf	6+10 holes, Left <i>6+10 lỗ, trái</i>	172	N/A
3804210172	FYf	6+10 holes, Right <i>6+10 lỗ, phải</i>	172	N/A
3804112202	FYf	6+12 holes, Left <i>6+12 lỗ, trái</i>	202	N/A
3804212202	FYf	6+12 holes, Right <i>6+12 lỗ, phải</i>	202	N/A
3804114232	FYf	6+14 holes, Left <i>6+14 lỗ, trái</i>	232	N/A
3804214232	FYf	6+14 holes, Right <i>6+14 lỗ, phải</i>	232	N/A
3804116262	FYf	6+16 holes, Left <i>6+16 lỗ, trái</i>	262	N/A
3804216262	FYf	6+16 holes, Right <i>6+16 lỗ, phải</i>	262	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0

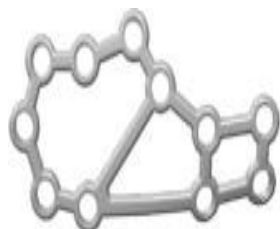


Distal Fibula Plate - II

Nẹp khóa đầu dưới xương mác - II

Remarks Mô tả				
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)			
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro			
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro			
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	15mm/1.4mm			
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	11.5mm/2.5mm			
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	13mm			

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4794103084	FYf	8 + 3 holes, Left 8 + 3 lỗ, trái	84	N/A
4794203084	FYf	8 + 3 holes, Right 8 + 3 lỗ, phải	84	N/A
4794104097	FYf	8 + 4 holes, Left 8 + 4 lỗ, trái	97	N/A
4794204097	FYf	8 + 4 holes, Right 8 + 4 lỗ, phải	97	N/A
4794105110	FYf	8 + 5 holes, Left 8 + 5 lỗ, trái	110	N/A
4794205110	FYf	8 + 5 holes, Right 8 + 5 lỗ, phải	110	N/A
4794106123	FYf	8 + 6 holes, Left 8 + 6 lỗ, trái	123	N/A
4794206123	FYf	8 + 6 holes, Right 8 + 6 lỗ, phải	123	N/A
4794107136	FYf	8 + 7 holes, Left 8 + 7 lỗ, trái	136	N/A
4794207136	FYf	8 + 7 holes, Right 8 + 7 lỗ, phải	136	N/A
4794109162	FYf	8 + 9 holes, Left 8 + 9 lỗ, trái	162	N/A
4794209162	FYf	8 + 9 holes, Right 8 + 9 lỗ, phải	162	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0
Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0
Calcaneal Plate - VIII
Nẹp khóa xương gót - VIII


Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: <i>Vít đầu nẹp:</i>	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping (flat head) <i>Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro (đầu dẹt)</i>
Shaft Screw: <i>Vít thân nẹp:</i>	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping (flat head) <i>Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro (đầu dẹt)</i> Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping <i>Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro</i>
Thickness of head: <i>Đầu nẹp dày:</i>	2mm
Thickness of Stem: <i>Thân nẹp dày:</i>	1.5mm
Distance between Holes: <i>Khoảng cách lỗ:</i>	

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
4847111060	FYz	Left, small <i>nhỏ, trái</i>	59	N/A
4847211060	FYz	Right, small <i>nhỏ, phải</i>	59	N/A
4847111068	FYz	Left, medium <i>vừa, trái</i>	67.5	N/A
4847211068	FYz	Right, medium <i>vừa, phải</i>	67.5	N/A
4847111070	FYz	Left, large <i>lớn, trái</i>	72	N/A
4847211070	FYz	Right, large <i>lớn, phải</i>	72	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0
Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0
3.5 Arc-Shaped Reconstruction Plate - II
Nẹp khóa tái tạo xương mu 3.5 - II


Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: <i>Vít đầu nẹp:</i>	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping (flat head) <i>Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro (đầu dẹt)</i>
Shaft Screw: <i>Vít thân nẹp:</i>	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping (flat head) <i>Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro (đầu dẹt)</i> Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping <i>Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro</i>
Width & Thickness of head: <i>Đầu nẹp rộng & dày:</i>	13.5mm/4mm
Width & Thickness of Stem: <i>Thân nẹp dày:</i>	13.5mm/4mm
Distance between Holes: <i>Khoảng cách lỗ:</i>	10mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
20200436	FYS01	6 holes <i>6 lỗ</i>	124	N/A
20200437	FYS01	6 holes <i>6 lỗ</i>	134	N/A
20200438	FYS01	6 holes <i>6 lỗ</i>	144	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



3.5 Straight Reconstruction Plate - I

Nẹp khóa mắc xích thẳng 3.5 - I

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	10mm/3mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	10mm/3mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	12mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4174604046	FZz	4 holes 4 lỗ	46	N/A
4174605058	FZz	5 holes 5 lỗ	58	N/A
4174606070	FZz	6 holes 6 lỗ	70	N/A
4174607082	FZz	7 holes 7 lỗ	82	N/A
4174608094	FZz	8 holes 8 lỗ	94	N/A
4174610118	FZz	10 holes 10 lỗ	118	N/A
4174612142	FZz	12 holes 12 lỗ	142	N/A
4174614166	FZz	14 holes 14 lỗ	166	N/A
4174616190	FZz	16 holes 16 lỗ	190	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0

3.5 Arc-Shaped Reconstruction Plate II

Nẹp khóa mắc xích cong 3.5 - II



Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	10mm/3mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	10mm/3mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	10.5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4525606076	FYz	6 holes 6 lỗ	76	N/A
4525608099	FYz	8 holes 8 lỗ	99	N/A
4525610120	FYz	10 holes 10 lỗ	120	N/A
4525612138	FYz	12 holes 12 lỗ	138.5	N/A
4525614154	FYz	14 holes 14 lỗ	154.5	N/A
4525616167	FYz	16 holes 16 lỗ	167.5	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0
Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0

Proximal Femoral Plate - IV
Nẹp khóa đầu trên xương đùi nhi - IV

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	19mm/3.2mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	13mm/3.2mm
Curvature degree: Độ cong:	120°

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4858004076	FYf	4 holes 4 lỗ	76	N/A
4858006102	FYf	6 holes 6 lỗ	102	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0
Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0

Proximal Femoral Plate - IV
Nẹp khóa đầu trên xương đùi nhi - IV

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	23mm/4.2mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	13.8mm/4.2mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	16mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4863004095	Fyz	4 holes 4 lỗ	94.5	N/A
4863006128	Fyz	6 holes 6 lỗ	127.5	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0/6.5
Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Proximal Femoral Plate - II
Nẹp khóa đầu trên xương đùi - II

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ6.5mm locking screws, self-tapping (Cannulated) Vít khóa Φ 6.5mm, tự taro (rỗng lòng)
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	29mm/3.8mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	18mm/5.7mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	18mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4801103120	FYf	6+3 holes, Left 6+3 lỗ, trái	120	N/A
4801203120	FYf	6+3 holes, Right 6+3 lỗ, phải	120	N/A
4801104138	FYf	6+4 holes, Left 6+4 lỗ, trái	138	N/A
4801204138	FYf	6+4 holes, Right 6+4 lỗ, phải	138	N/A
4801105156	FYf	6+5 holes, Left 6+5 lỗ, trái	156	N/A
4801205156	FYf	6+5 holes, Right 6+5 lỗ, phải	156	N/A
4801106174	FYf	6+6 holes, Left 6+6 lỗ, trái	174	N/A
4801206174	FYf	6+6 holes, Right 6+6 lỗ, phải	174	N/A
4801107192	FYf	6+7 holes, Left 6+7 lỗ, trái	192	N/A
4801207192	FYf	6+7 holes, Right 6+7 lỗ, phải	192	N/A
4801108210	FYf	6+8 holes, Left 6+8 lỗ, trái	210	N/A
4801208210	FYf	6+8 holes, Right 6+8 lỗ, phải	210	N/A
4801109228	FYf	6+9 holes, Left 6+9 lỗ, trái	228	N/A
4801208228	FYf	6+9 holes, Right 6+9 lỗ, phải	228	N/A
4801110246	FYf	6+10 holes, Left 6+10 lỗ, trái	246	N/A
4801210246	FYf	6+10 holes, Right 6+10 lỗ, phải	246	N/A
4801111264	FYf	6+11 holes, Left 6+11 lỗ, trái	264	N/A
4801211264	FYf	6+11 holes, Right 6+11 lỗ, phải	264	N/A
4801112282	FYf	6+12 holes, Left 6+12 lỗ, trái	282	N/A
4801212282	FYf	6+12 holes, Right 6+12 lỗ, phải	282	N/A
4801113300	FYf	6+13 holes, Left 6+13 lỗ, trái	300	N/A
4801213300	FYf	6+13 holes, Right 6+13 lỗ, phải	300	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Distal Femoral Plate - I

Nẹp khóa đầu dưới xương đùi - I

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự tào
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự tào Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự tào
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	32mm/3.1mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	16mm/5.6mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	20mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Đài	Remarks Mô tả
4802105160	FYf	7+5H, Left 7+5H, trái	160	N/A
4802205160	FYf	7+5H, Right 7+5H, phải	160	N/A
4802106180	FYf	7+6H, Left 7+6H, trái	180	N/A
4802206180	FYf	7+6H, Right 7+6H, phải	180	N/A
4802107200	FYf	7+7H, Left 7+7H, trái	200	N/A
4802207200	FYf	7+7H, Right 7+7H, phải	200	N/A
4802108220	FYf	7+8H, Left 7+8H, trái	220	N/A
4802208220	FYf	7+8H, Right 7+8H, phải	220	N/A
4802109240	FYf	7+9H, Left 7+9H, trái	240	N/A
4802209240	FYf	7+9H, Right 7+9H, phải	240	N/A
4802110260	FYf	7+10H, Left 7+10H, trái	260	N/A
4802210260	FYf	7+10H, Right 7+10H, phải	260	N/A
4802111280	FYf	7+11H, Left 7+11H, trái	280	N/A
4802211280	FYf	7+11H, Right 7+11H, phải	280	N/A
4802112300	FYf	7+12H, Left 7+12H, trái	300	N/A
4802212300	FYf	7+12H, Right 7+12H, phải	300	N/A
4802113320	FYf	7+13H, Left 7+13H, trái	320	N/A
4802213320	FYf	7+13H, Right 7+13H, phải	320	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Wide Straight Plate

Nẹp khóa bản rộng

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro Φ 4.5/6.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5/6.5mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro Φ 4.5/6.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5/6.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	18mm/6.3mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	18mm/6.3mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	18mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4405607136	FZf	7 holes 7 lỗ	136	N/A
4405608154	FZf	8 holes 8 lỗ	154	N/A
4405609172	FZf	9 holes 9 lỗ	172	N/A
4405610190	FZf	10 holes 10 lỗ	190	N/A
4405611208	FZf	11 holes 11 lỗ	208	N/A
4405612226	FZf	12 holes 12 lỗ	226	N/A
4405614262	FZf	14 holes 14 lỗ	262	N/A
4405614298	FZf	16 holes 16 lỗ	298	N/A
4405614334	FZf	18 holes 18 lỗ	334	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Proximal Medial Tibia Plate - I

Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong - I

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	36.5mm/3.4mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	15.5mm/4.1mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	18mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20200515	FYf	4+3H, Left 4+3H, trái	96.5	N/A
4523903096	FYf	4+3H, Right 4+3H, phải	96.5	N/A
4523705132	FYf	4+5H, Left 4+5H, trái	132.5	N/A
4523805132	FYf	4+5H, Right 4+5H, phải	132.5	N/A
4523707168	FYf	4+7H, Left 4+7H, trái	168.5	N/A
4523807168	FYf	4+7H, Right 4+7H, phải	168.5	N/A
4523709204	FYf	4+9H, Left 4+9H, trái	204.5	N/A
4523809204	FYf	4+9H, Right 4+9H, phải	204.5	N/A
4523711240	FYf	4+11H, Left 4+11H, trái	240.5	N/A
4523811240	FYf	4+11H, Right 4+11H, phải	240.5	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0

T-Shaped Support Plate

Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong chữ T



Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự tào
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự tào Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự tào
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	28mm/2.2mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	13mm/3.6mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	18mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4787104104	FYZ	3 + 4 holes, Left 3 + 4 lỗ, trái	104	N/A
4787204104	FYZ	3 + 4 holes, Right 3 + 4 lỗ, phải	104	N/A
4788106140	FYZ	3 + 6 holes, Left 3 + 6 lỗ, trái	140	N/A
4788206140	FYZ	3 + 6 holes, Right 3 + 6 lỗ, phải	140	N/A
4788108176	FYZ	3 + 8 holes, Left 3 + 8 lỗ, trái	176	N/A
4788208176	FYZ	3 + 8 holes, Right 3 + 8 lỗ, phải	176	N/A
4788110212	FYZ	3 + 10 holes, Left 3 + 10 lỗ, trái	212	N/A
4788210212	FYZ	3 + 10 holes, Right 3 + 10 lỗ, phải	212	N/A
4788112248	FYZ	3 + 12 holes, Left 3 + 12 lỗ, trái	248	N/A
4788212248	FYZ	3 + 12 holes, Right 3 + 12 lỗ, phải	248	N/A
4788114284	FYZ	3 + 14 holes, Left 3 + 14 lỗ, trái	284	N/A
4788214284	FYZ	3 + 14 holes, Right 3 + 14 lỗ, phải	284	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Proximal Lateral Tibia Plate - I

Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài - I

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	22mm/3.1mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	16mm/4.7mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	20mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4805105110	FYf	3+5H, Left 3+5H, trái	104	N/A
4805205110	FYf	3+5H, Right 3+5H, phải	104	N/A
4806106124	FYf	3+6H, Left 3+6H, trái	124	N/A
4806206124	FYf	3+6H, Right 3+6H, phải	124	N/A
4806107144	FYf	3+7H, Left 3+7H, trái	144	N/A
4806207144	FYf	3+7H, Right 3+7H, phải	144	N/A
4806108164	FYf	3+8H, Left 3+8H, trái	164	N/A
4806208164	FYf	3+8H, Right 3+8H, phải	164	N/A
4806109184	FYf	3+9H, Left 3+9H, trái	184	N/A
4806209184	FYf	3+9H, Right 3+9H, phải	184	N/A
4806110204	FYf	3+10H, Left 3+10H, trái	204	N/A
4806210204	FYf	3+10H, Right 3+10H, phải	204	N/A
4806111224	FYf	3+11H, Left 3+11H, trái	224	N/A
4806211224	FYf	3+11H, Right 3+11H, phải	224	N/A
4806112244	FYf	3+12H, Left 3+12H, trái	244	N/A
4806212244	FYf	3+12H, Right 3+12H, phải	244	N/A
4806113264	FYf	3+13H, Left 3+13H, trái	264	N/A
4806213264	FYf	3+13H, Right 3+13H, phải	264	N/A
4806114284	FYf	3+14H, Left 3+14H, trái	284	N/A
4806214284	FYf	3+14H, Right 3+14H, phải	284	N/A
4806115304	FYf	3+15H, Left 3+15H, trái	304	N/A
4806215304	FYf	3+15H, Right 3+15H, phải	304	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0
Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0
L - Shaped Support Plate

Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài chữ L



Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	35mm/1.4mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	13.6mm/3.7mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	18mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4791104082	FYL02	3 + 4 holes, Left 3 + 4 lỗ, trái	82	N/A
4791204082	FYL02	3 + 4 holes, Right 3 + 4 lỗ, phải	82	N/A
4791106118	FYL02	3 + 6 holes, Left 3 + 6 lỗ, trái	118	N/A
4791206118	FYL02	3 + 6 holes, Right 3 + 6 lỗ, phải	118	N/A
4791108154	FYL02	3 + 8 holes, Left 3 + 8 lỗ, trái	154	N/A
4791208154	FYL02	3 + 8 holes, Right 3 + 8 lỗ, phải	154	N/A
4791110190	FYL02	3 + 10 holes, Left 3 + 10 lỗ, trái	190	N/A
4791210190	FYL02	3 + 10 holes, Right 3 + 10 lỗ, phải	190	N/A
4791112226	FYL02	3 + 12 holes, Left 3 + 12 lỗ, trái	226	N/A
4791212226	FYL02	3 + 12 holes, Right 3 + 12 lỗ, phải	226	N/A
4791114262	FYL02	3 + 14 holes, Left 3 + 14 lỗ, trái	262	N/A
4791214262	FYL02	3 + 14 holes, Right 3 + 14 lỗ, phải	262	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Narrow Straight Plate - I

Nẹp khóa bản hẹp thẳng - I

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự tào Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự tào
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự tào Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự tào
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	13mm/4mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	13mm/4mm
Distance between Holes: Khoảng cách lỗ:	18mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4172605096	FZf	5 holes 5 lỗ	96	N/A
4172606114	FZf	6 holes 6 lỗ	114	N/A
4172607132	FZf	7 holes 7 lỗ	132	N/A
4172608150	FZf	8 holes 8 lỗ	150	N/A
4172609168	FZf	9 holes 9 lỗ	168	N/A
4172610186	FZf	10 holes 10 lỗ	186	N/A
4172612222	FZf	12 holes 12 lỗ	222	N/A
4172612240	FZf	14 holes 14 lỗ	240	N/A
4172612258	FZf	16 holes 16 lỗ	258	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



DHS Bone Plate

Nẹp khóa DHS

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: Vít đầu nẹp:	Φ 12.5mm cannulated compression screw Vít rỗng nòng Φ12.5mm
Shaft Screw: Vít thân nẹp:	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping Vít khóa Φ 5.0mm, tự tào Φ 4.5/6.5mm titanium bone screws, self-tapping Vít xương cứng Φ 4.5/6.5mm, tự tào
Width & Thickness of head: Đầu nẹp rộng & dày:	19mm/5.5mm
Width & Thickness of Stem: Thân nẹp rộng & dày:	N/A
Curvature degree: Độ cong:	18mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
360401000	DHSI	135°, 3 holes 135°, 3 lỗ	82	N/A
360402000	DHSI	135°, 4 holes 135°, 4 lỗ	100	N/A
360403000	DHSI	135°, 5 holes 135°, 5 lỗ	118	N/A
360404000	DHSI	135°, 6 holes 135°, 6 lỗ	136	N/A
360405000	DHSI	135°, 7 holes 135°, 7 lỗ	154	N/A
360406000	DHSI	135°, 8 holes 135°, 8 lỗ	172	N/A
360407000	DHSI	135°, 9 holes 135°, 9 lỗ	190	N/A
360408000	DHSI	135°, 10 holes 135°, 10 lỗ	208	N/A
360409000	DHSI	135°, 11 holes 135°, 11 lỗ	226	N/A
360410000	DHSI	135°, 12 holes 135°, 12 lỗ	244	N/A
360501000	DHSI	130°, 3 holes 130°, 3 lỗ	82	N/A
360502000	DHSI	130°, 4 holes 130°, 4 lỗ	100	N/A
360503000	DHSI	130°, 5 holes 130°, 5 lỗ	118	N/A
360504000	DHSI	130°, 6 holes 130°, 6 lỗ	136	N/A
360505000	DHSI	130°, 7 holes 130°, 7 lỗ	154	N/A
360506000	DHSI	130°, 8 holes 130°, 8 lỗ	172	N/A
360507000	DHSI	130°, 9 holes 130°, 9 lỗ	190	N/A
360508000	DHSI	130°, 10 holes 130°, 10 lỗ	208	N/A
360509000	DHSI	130°, 11 holes 130°, 11 lỗ	226	N/A
360510000	DHSI	130°, 12 holes 130°, 12 lỗ	244	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5/5.0

Hệ thống nẹp khóa sử dụng vít 2.4/2.7/3.5/5.0



Hollow Compression Screw DHS

Vít chốt rỗng DHS

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	12.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	8.0mm
Pitch: Bước ren:	3.0mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	8.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	8.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Đài	Remarks Mô tả
380101000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×50	N/A
380102000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×55	N/A
380103000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×60	N/A
380104000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×65	N/A
380105000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×70	N/A
380106000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×75	N/A
380107000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×80	N/A
380108000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×85	N/A
380109000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×90	N/A
380110000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×95	N/A
380111000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×100	N/A
380112000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×105	N/A
380113000	DHS	Self-tapping (tự taro)	Φ12.5×110	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5

1.5mm Locking Screw

Vít khóa 1.5mm



Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	1.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	1.0mm
Pitch: Bước ren:	0.6mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	2.3mm
Drill Bit: Mũi khoan:	1.1mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20200061	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×6	N/A
20200062	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×7	N/A
20200063	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×8	N/A
20200064	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×9	N/A
20200065	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×10	N/A
20200066	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×11	N/A
20200067	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×12	N/A
20200068	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×13	N/A
20200069	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×14	N/A
20200070	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×15	N/A
20200071	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×16	N/A
20200072	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×17	N/A
20200073	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×18	N/A
20200074	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×19	N/A
20200018	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×20	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5



2.0mm Locking Screw

Vít khóa 2.0mm

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	2.0mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	1.5mm
Pitch: Bước ren:	0.7mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	3.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	1.5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3929620006	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×6	N/A
3929620007	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×7	N/A
3929620008	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×8	N/A
3929620009	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×9	N/A
3929620010	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×10	N/A
3929620011	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×11	N/A
3929620012	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×12	N/A
3929620014	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×14	N/A
3929620016	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×16	N/A
3929620018	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×18	N/A
3929620020	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×20	N/A
3929620022	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×22	N/A
3929620024	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×24	N/A
3929620026	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×26	N/A
3929620028	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×28	N/A
3929620030	FSBT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×30	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
2.4mm Locking Screw
Vít khóa 2.4mm


Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: <i>Đường kính thân vít:</i>	2.4mm
Core Dia: <i>Đường kính lõi vít:</i>	1.8mm
Pitch: <i>Bước ren:</i>	0.7mm
Head Dia: <i>Đường kính đầu vít:</i>	3.0mm
Drill Bit: <i>Mũi khoan:</i>	1.8mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
3930624006	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×6	N/A
3930624008	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×8	N/A
3930624010	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×10	N/A
3930624012	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×12	N/A
3930624014	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×14	N/A
3930624016	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×16	N/A
3930624018	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×18	N/A
3930624020	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×20	N/A
3930624022	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×22	N/A
3930624024	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×24	N/A
3930624026	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×26	N/A
3930624028	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×28	N/A
3930624030	FSDT24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×30	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5

2.4mm Locking Screw, (Polyaxial)
Vít khóa 2.4mm, (đa hướng)

Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: <i>Đường kính thân vít:</i>	2.4mm
Core Dia: <i>Đường kính lõi vít:</i>	1.85mm
Pitch: <i>Bước ren:</i>	0.7mm
Head Dia: <i>Đường kính đầu vít:</i>	3.0mm
Drill Bit: <i>Mũi khoan:</i>	1.8mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
3933624006	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×6	N/A
3933624008	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×8	N/A
3933624010	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×10	N/A
3933624012	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×12	N/A
3933624014	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×14	N/A
3933624016	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×16	N/A
3933624018	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×18	N/A
3933624020	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×20	N/A
3933624022	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×22	N/A
3933624024	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×24	N/A
3933624026	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×26	N/A
3933624028	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×28	N/A
3933624030	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.4×30	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
2.7mm Locking Screw
Vít khóa 2.7mm


Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	2.7mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	2.0mm
Pitch: Bước ren:	0.7mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	3.5mm
Drill Bit: Mũi khoan:	2.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3931627006	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×6	N/A
3931627008	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×8	N/A
3931627010	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×10	N/A
3931627012	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×12	N/A
3931627014	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×14	N/A
3931627016	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×16	N/A
3931627018	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×18	N/A
3931627020	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×20	N/A
3931627022	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×22	N/A
3931627024	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×24	N/A
3931627026	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×26	N/A
3931627028	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×28	N/A
3931627030	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×30	N/A
3931627035	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×35	N/A
3931627040	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×40	N/A
3931627045	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×45	N/A
3931627050	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×50	N/A
3931627055	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×55	N/A
3931627060	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×60	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
2.7mm Locking Screw, (Polyaxial)
Vít khóa 2.7mm, (đa hướng)


Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: <i>Đường kính thân vít:</i>	2.7mm
Core Dia: <i>Đường kính lõi vít:</i>	2.0mm
Pitch: <i>Bước ren:</i>	0.7mm
Head Dia: <i>Đường kính đầu vít:</i>	3.4mm
Drill Bit: <i>Mũi khoan:</i>	2.0mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
3932027006	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×6	N/A
3932027008	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×8	N/A
3932027010	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×10	N/A
3932027012	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×12	N/A
3932027014	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×14	N/A
3932027016	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×16	N/A
3932027018	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×18	N/A
3932027020	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×20	N/A
3932027022	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×22	N/A
3932027024	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×24	N/A
3932027026	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×26	N/A
3932027028	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×28	N/A
3932027030	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×30	N/A
3932027035	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×35	N/A
3932027040	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×40	N/A
3932027045	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×45	N/A
3932027050	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×50	N/A
3932027055	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×55	N/A
3932027060	FSDr24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ2.7×60	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
3.5mm Locking Screw
Vít khóa 3.5mm


Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	3.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	2.8mm
Pitch: Bước ren:	0.8mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	4.8mm
Drill Bit: Mũi khoan:	2.8mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Đài	Remarks Mô tả
3934635010	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×10	N/A
3934635012	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×12	N/A
3934635014	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×14	N/A
3934635016	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×16	N/A
3934635018	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×18	N/A
3934635020	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×20	N/A
3934635022	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×22	N/A
3934635024	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×24	N/A
3934635026	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×26	N/A
3934635028	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×28	N/A
3934635030	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×30	N/A
3934635032	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×32	N/A
3934635034	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×34	N/A
3934635036	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×36	N/A
3934635038	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×38	N/A
3934635040	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×40	N/A
3934635042	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×42	N/A
3934635044	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×44	N/A
3934635046	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×46	N/A
3934635048	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×48	N/A
3934635050	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×50	N/A
3934635055	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×55	N/A
3934635060	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×60	N/A
3934635065	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×65	N/A
3934635070	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×70	N/A
3934635075	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×75	N/A
3934635080	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×80	N/A
3934635085	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×85	N/A
3934635090	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×80	N/A
3934635095	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×85	N/A
3934635100	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×100	N/A
3934635105	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×105	N/A
3934635110	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×110	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5

Locking Screw (LCP Φ3.5mm, Polyaxial)
Vít khóa 3.5mm, (đa hướng)

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	3.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	2.8mm
Pitch: Bước ren:	0.8mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	4.8mm
Drill Bit: Mũi khoan:	2.8mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3924035010	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×10	N/A
3924035012	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×12	N/A
3924035014	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×14	N/A
3924035016	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×16	N/A
3924035018	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×18	N/A
3924035020	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×20	N/A
3924035022	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×22	N/A
3924035024	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×24	N/A
3924035026	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×26	N/A
3924035028	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×28	N/A
3924035030	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×30	N/A
3924035032	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×32	N/A
3924035034	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×34	N/A
3924035036	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×36	N/A
3924035038	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×38	N/A
3924035040	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×40	N/A
3924035042	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×42	N/A
3924035044	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×44	N/A
3924035046	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×46	N/A
3924035048	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×48	N/A
3924035050	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×50	N/A
3924035055	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×55	N/A
3924035060	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×60	N/A
3924035065	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×65	N/A
3924035070	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×70	N/A
3924035075	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×75	N/A
3924035080	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×80	N/A
3924035085	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×85	N/A
3924035090	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×90	N/A
3924035095	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×95	N/A
3924035100	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×100	N/A
3924035105	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×105	N/A
3924035110	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×110	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5

Locking Screw (LCP Φ3.5mm, Flat Head)
Vít khóa 3.5mm, (đầu dẹp)

Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: <i>Đường kính thân vít:</i>	3.5mm
Core Dia: <i>Đường kính lõi vít:</i>	2.3mm
Pitch: <i>Bước ren:</i>	0.8mm
Head Dia: <i>Đường kính đầu vít:</i>	5.1mm
Drill Bit: <i>Mũi khoan:</i>	2.5mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
3938035012	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×12	N/A
3938035014	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×14	N/A
3938035016	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×16	N/A
3938035018	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×18	N/A
3938035020	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×20	N/A
3938035022	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×22	N/A
3938035024	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×24	N/A
3938035026	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×26	N/A
3938035028	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×28	N/A
3938035030	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×30	N/A
3938035032	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×32	N/A
3938035034	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×34	N/A
3938035036	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×36	N/A
3938035038	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×38	N/A
3938035040	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×40	N/A
3938035045	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×45	N/A
3938035050	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×50	N/A
3938035055	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×55	N/A
3938035060	FSDS24	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ3.5×60	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
5.0mm Locking Screw
Vít khóa 5.0mm


Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	5.0mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	4.2mm
Pitch: Bước ren:	1.0mm
Head Dia Đường kính đầu vít:	6.7mm
Drill Bit: Mũi khoan:	4.3mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3935650010	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×10	N/A
3935650012	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×12	N/A
3935650014	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×14	N/A
3935650016	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×16	N/A
3935650018	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×18	N/A
3935650020	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×20	N/A
3935650022	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×22	N/A
3935650024	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×24	N/A
3935650026	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×26	N/A
3935650028	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×28	N/A
3935650030	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×30	N/A
3935650032	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×32	N/A
3935650034	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×34	N/A
3935650036	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×36	N/A
3935650038	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×38	N/A
3935650040	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×40	N/A
3935650042	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×42	N/A
3935650044	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×44	N/A
3935650046	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×46	N/A
3935650048	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×48	N/A
3935650050	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×50	N/A
3935650055	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×55	N/A
3935650060	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×60	N/A
3935650065	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×65	N/A
3935650070	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×70	N/A
3935650075	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×75	N/A
3935650080	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×80	N/A
3935650085	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×85	N/A
3935650090	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×90	N/A
3935650095	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×95	N/A
3935650100	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×100	N/A
3935650105	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×105	N/A
3935650110	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×110	N/A
3935650115	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×115	N/A
3935650120	FSDT24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×120	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5
Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5

5.0mm Locking Screw, (Polyaxial)
Vít khóa 5.0mm, (đa hướng)

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	5.0mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	4.2mm
Pitch: Bước ren:	1.0mm
Head Dia Đường kính đầu vít:	6.7mm
Drill Bit: Mũi khoan:	4.3mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3902350012	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×12	N/A
3902350014	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×14	N/A
390201000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×16	N/A
390202000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×18	N/A
390203000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×20	N/A
390204000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×22	N/A
390205000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×24	N/A
390206000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×26	N/A
390207000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×28	N/A
390208000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×30	N/A
390209000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×32	N/A
390210000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×34	N/A
390211000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×36	N/A
390212000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×38	N/A
390213000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×40	N/A
390214000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×42	N/A
390215000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×44	N/A
390216000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×46	N/A
390217000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×48	N/A
390218000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×50	N/A
390219000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×55	N/A
390220000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×60	N/A
390221000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×65	N/A
390222000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×70	N/A
390223000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×75	N/A
390224000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×80	N/A
390225000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×85	N/A
390226000	FSDr24	Self-tapping (tự taro)	Φ5.0×90	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.7/3.5/5.0/6.5

6.5mm Locking Screw

Vít khóa 6.5mm



Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	6.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	5.0mm
Pitch: Bước ren:	2.0mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	8.9mm
Drill Bit: Mũi khoan:	Outer: Φ5.0; Inner: Φ2.5 Bên ngoài: Φ5.0; Bên trong: Φ2.5

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3928665050	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×50	N/A
20200641	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×55	N/A
20200642	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×60	N/A
20200643	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×65	N/A
20200644	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×70	N/A
20200645	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×75	N/A
20200646	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×80	N/A
20200647	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×85	N/A
20200648	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×90	N/A
20200649	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×95	N/A
20200650	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×100	N/A
20200651	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×105	N/A
3928665110	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×110	N/A
3928665115	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×115	N/A
3928665120	FKBT23	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ6.5×120	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5
Hệ thống vít xương cứng 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5
1.5mm Titanium Bone Screw
Vít xương cứng 1.5mm


Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	1.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	1.0mm
Pitch: Bước ren:	0.6mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	3.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	1.1mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20100252	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×6	N/A
20100253	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×7	N/A
20100254	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×8	N/A
20100255	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×9	N/A
20100256	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×10	N/A
20100257	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×11	N/A
20100258	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×12	N/A
20100259	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×13	N/A
20100247	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×14	N/A
20100248	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×15	N/A
20100260	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×16	N/A
20100051	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×17	N/A
20100052	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×18	N/A
20100053	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×19	N/A
20100024	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×20	N/A
201000222	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×22	N/A
201000224	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×24	N/A
201000226	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×26	N/A
201000228	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×28	N/A
201000230	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ1.5×30	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5
Hệ thống vít xương cứng 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5

2.0mm Titanium Bone Screw
Vít xương cứng 2.0mm

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	2.0mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	1.4mm
Pitch: Bước ren:	0.8mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	2.8mm
Drill Bit: Mũi khoan:	1.5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3535620006	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×6	N/A
3535620008	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×8	N/A
3535620010	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×10	N/A
3535620012	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×12	N/A
3535620014	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×14	N/A
3535620016	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×16	N/A
3535620018	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×18	N/A
3535620020	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×20	N/A
3535620022	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×22	N/A
3535620024	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×24	N/A
3535620026	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×26	N/A
3535620028	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×28	N/A
3535620030	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.0×30	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5
Hệ thống vít xương cứng 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5

2.4mm Titanium Bone Screw
Vít xương cứng 2.4mm

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	2.4mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	1.7mm
Pitch: Bước ren:	1.0mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	3.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	2.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
350901000	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.4×6	N/A
350902000	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.4×8	N/A
350903000	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.4×10	N/A
350904000	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.4×12	N/A
350905000	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.4×14	N/A
350906000	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.4×16	N/A
350907000	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.4×18	N/A
350908000	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.4×20	N/A
350909000	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.4×22	N/A
350910000	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.4×24	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5
Hệ thống vít xương cứng 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5

2.7mm Titanium Bone Screw
Vít xương cứng 2.7mm

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	2.7mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	1.8mm
Pitch: Bước ren:	1.0mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	5.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	2.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Đài	Remarks Mô tả
3925627006	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×6	N/A
3925627008	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×8	N/A
3925627010	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×10	N/A
3925627012	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×12	N/A
3925627014	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×14	N/A
3925627016	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×16	N/A
3925627018	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×18	N/A
3925627020	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×20	N/A
3925627022	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×22	N/A
3925627024	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×24	N/A
3925627026	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×26	N/A
3925627028	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×28	N/A
3925627030	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×30	N/A
3925627032	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×32	N/A
3925627034	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×34	N/A
3925627036	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×36	N/A
3925627038	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×38	N/A
3925627040	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×40	N/A
3925627042	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×42	N/A
3925627044	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×44	N/A
3925627046	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×46	N/A
3925627048	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×48	N/A
3925627050	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ2.7×50	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5
Hệ thống vít xương cứng 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5

3.5mm Titanium Bone Screw
Vít xương cứng 3.5mm

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	3.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	2.4mm
Pitch: Bước ren:	1.25mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	6.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	2.5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3538635010	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×10	N/A
3538635012	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×12	N/A
3538635014	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×14	N/A
3538635016	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×16	N/A
3538635018	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×18	N/A
3538635020	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×20	N/A
3538635022	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×22	N/A
3538635024	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×24	N/A
3538635026	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×26	N/A
3538635028	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×28	N/A
3538635030	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×30	N/A
3538635032	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×32	N/A
3538635034	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×34	N/A
3538635036	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×36	N/A
3538635038	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×38	N/A
3538635040	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×40	N/A
3538635042	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×42	N/A
3538635044	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×44	N/A
3538635046	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×46	N/A
3538635048	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×48	N/A
3538635050	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×50	N/A
3538635055	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×55	N/A
3538635060	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×60	N/A
3538635065	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×65	N/A
3538635070	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×70	N/A
3538635075	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×75	N/A
3942635080	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×80	N/A
3942635085	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×85	N/A
3942635090	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×90	N/A
3942635095	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×95	N/A
3842635100	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×100	N/A
3842635105	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×105	N/A
3842635110	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ3.5×110	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5
Hệ thống vít xương cứng 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5
4.0mm Titanium Bone Screw
Vít xương cứng 4.0mm


Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: <i>Đường kính thân vít:</i>	4.0mm
Core Dia: <i>Đường kính lõi vít:</i>	2.4mm
Pitch: <i>Bước ren:</i>	1.75mm
Head Dia: <i>Đường kính đầu vít:</i>	6.0mm
Drill Bit: <i>Mũi khoan:</i>	2.5mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
3540640012	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×12	N/A
3540640014	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×14	N/A
3540640016	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×16	N/A
3540640018	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×18	N/A
3540640020	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×20	N/A
3540640022	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×22	N/A
3540640024	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×24	N/A
3540640026	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×26	N/A
3540640028	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×28	N/A
3540640030	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×30	N/A
3540640032	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×32	N/A
3540640034	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×34	N/A
3540640036	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×36	N/A
3540640038	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×38	N/A
3540640040	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×40	N/A
3540640042	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×42	N/A
3540640044	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×44	N/A
3540640046	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×46	N/A
3540640048	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×48	N/A
3540640050	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×50	N/A
3540640055	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×55	N/A
3540640060	HAQ03	Self-tapping (<i>tự taro</i>)	Φ4.0×60	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5

Hệ thống vít xương cứng 1.5/2.0/2.7/3.5/4.0/4.5

4.5mm Titanium Bone Screw

Vít xương cứng 4.5mm



Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	4.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	2.4mm
Pitch: Bước ren:	1.75mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	8.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	3.2mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3539645010	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×10	N/A
3539645012	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×12	N/A
3539645014	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×14	N/A
3539645016	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×16	N/A
3539645018	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×18	N/A
3539645020	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×20	N/A
3539645022	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×22	N/A
3539645024	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×24	N/A
3539645026	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×26	N/A
3539645028	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×28	N/A
3539645030	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×30	N/A
3539645032	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×32	N/A
3539645034	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×34	N/A
3539645036	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×36	N/A
3539645038	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×38	N/A
3539645040	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×40	N/A
3539645042	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×42	N/A
3539645044	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×44	N/A
3539645046	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×46	N/A
3539645048	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×48	N/A
3539645050	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×50	N/A
3539645052	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×52	N/A
3539645054	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×54	N/A
3539645056	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×56	N/A
3539645058	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×58	N/A
3539645060	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×60	N/A
3539645062	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×62	N/A
3539645064	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×64	N/A
3539645066	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×66	N/A
3539645068	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×68	N/A
3539645070	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×70	N/A
3539645075	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×75	N/A
3539645080	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×80	N/A
3539645085	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×85	N/A
3539645090	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×90	N/A
3539645095	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×95	N/A
3539645100	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×100	N/A
3539645105	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×105	N/A
3539645110	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×110	N/A
3539645115	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×115	N/A
3539645120	HAQ03	Self-tapping (tự taro)	Φ4.5×120	N/A

Titanium Bone Screw System 4.0/6.5
Hệ thống vít xương xốp 4.0/6.5

4.0mm Cancellous Screws
Vít xương xốp 4.0mm

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	4.0mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	2.4mm
Pitch: Bước ren:	1.75mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	6.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	2.5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3543640014	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×14	N/A
3543640016	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×16	N/A
3543640018	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×18	N/A
3543640020	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×20	N/A
3543640022	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×22	N/A
3543640024	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×24	N/A
3543640026	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×26	N/A
3543640028	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×28	N/A
3543640030	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×30	N/A
3543640032	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×32	N/A
3543640034	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×34	N/A
3543640036	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×36	N/A
3543640038	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×38	N/A
3543640040	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×40	N/A
3543640042	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×42	N/A
3543640045	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×45	N/A
3543640050	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×50	N/A
3543640055	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×55	N/A
3543640060	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ4.0×60	N/A

Titanium Bone Screw System 4.0/6.5
Hệ thống vít xương xốp 4.0/6.5

4.0mm Cancellous Screws
Vít xương xốp 4.0mm

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	4.0mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	2.4mm
Pitch: Bước ren:	1.75mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	6.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	2.5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3540640012	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×12	N/A
3540640014	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×14	N/A
3540640016	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×16	N/A
3540640018	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×18	N/A
3540640020	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×20	N/A
3540640022	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×22	N/A
3540640024	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×24	N/A
3540640026	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×26	N/A
3540640028	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×28	N/A
3540640030	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×30	N/A
3540640032	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×32	N/A
3540640034	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×34	N/A
3540640036	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×36	N/A
3540640038	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×38	N/A
3540640040	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×40	N/A
3540640042	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×42	N/A
3540640044	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×44	N/A
3540640046	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×46	N/A
3540640048	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×48	N/A
3540640050	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×50	N/A
3540640055	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×55	N/A
3540640060	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ4.0×60	N/A

Titanium Bone Screw System 4.0/6.5
Hệ thống vít xương xốp 4.0/6.5

6.5mm Cancellous Screws
Vít xương xốp 6.5mm

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	6.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	5.0mm
Pitch: Bước ren:	1.75mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	8.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	5.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3542616050	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×50	N/A
3542616055	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×55	N/A
3542616060	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×60	N/A
3542616065	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×65	N/A
3542616070	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×70	N/A
3542616075	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×75	N/A
3542616080	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×80	N/A
3542632055	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×55	N/A
3542632060	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×60	N/A
3542632065	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×65	N/A
3542632070	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×70	N/A
3542632075	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×75	N/A
3542632080	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×80	N/A
3542632085	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×85	N/A
3542632090	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×90	N/A
3542632095	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×95	N/A
3542632100	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×100	N/A
3542632105	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping Một phần ren, tự taro	Φ6.5×105	N/A

Titanium Bone Screw System 4.0/6.5
Hệ thống vít xương xốp 4.0/6.5

6.5mm Cancellous Screws
Vít xương xốp 6.5mm

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	6.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	5.0mm
Pitch: Bước ren:	1.75mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	8.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	5.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3541665025	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ6.5×25	N/A
3541665030	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ6.5×30	N/A
3541665035	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ6.5×35	N/A
3541665040	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ6.5×40	N/A
3541665045	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ6.5×45	N/A
3541665050	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ6.5×50	N/A
3541665055	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ6.5×55	N/A
3541665060	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping Toàn ren, tự tào	Φ6.5×60	N/A

UHC Cannulated Screw 3.0/3.5/4.0/4.5/6.5/7.3

Hệ thống vít xỏ rỗng UHC 3.0/3.5/4.0/4.5/6.5/7.3



3.5mm UHC Cannulated Screw

Vít rỗng xỏ rỗng 3.5mm

Remarks	
Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	3.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	2.5mm
Pitch: Bước ren:	1.25mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	5.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	2.5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
310101000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×20	N/A
310102000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×22	N/A
310103000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×24	N/A
310104000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×26	N/A
310105000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×28	N/A
310106000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×30	N/A
310107000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×32	N/A
310108000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×34	N/A
310109000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×36	N/A
310110000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×38	N/A
310111000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×40	N/A
310112000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×42	N/A
310113000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×44	N/A
310114000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×46	N/A
310115000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×48	N/A
310116000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự taro	Φ3.5×50	N/A

UHC Cannulated Screw 3.0/3.5/4.0/4.5/6.5/7.3

Hệ thống vít xóp rỗng UHC 3.0/3.5/4.0/4.5/6.5/7.3

4.0mm UHC Cannulated Screw

Vít rỗng xóp rỗng 4.0mm



Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	4.0mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	3.0mm
Pitch: Bước ren:	1.5mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	6.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	1.2mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
310408000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×20	N/A
310409000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×22	N/A
310410000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×24	N/A
310411000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×26	N/A
310412000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×28	N/A
310401000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×30	N/A
310413000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×32	N/A
310414000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×34	N/A
310415000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×36	N/A
310416000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×38	N/A
310403000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×40	N/A
310417000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×42	N/A
310418000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×44	N/A
310419000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×46	N/A
310420000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×48	N/A
310405000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×50	N/A
310406000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×55	N/A
310407000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.0×60	N/A

UHC Cannulated Screw 3.0/3.5/4.0/4.5/6.5/7.3

Hệ thống vít xỏ rỗng UHC 3.0/3.5/4.0/4.5/6.5/7.3

4.5mm UHC Cannulated Screw

Vít rỗng xỏ rỗng 4.5mm



Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	4.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	3.2mm
Pitch: Bước ren:	1.75mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	6.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	1.5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
310201000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×20	N/A
310202000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×22	N/A
310203000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×24	N/A
310204000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×26	N/A
310205000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×28	N/A
310206000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×30	N/A
310207000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×32	N/A
310208000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×34	N/A
310209000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×36	N/A
310210000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×38	N/A
310211000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×40	N/A
310212000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×42	N/A
310213000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×44	N/A
310214000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×46	N/A
310215000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×48	N/A
310216000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×50	N/A
310217000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×52	N/A
310218000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×54	N/A
310219000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×56	N/A
310221000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×58	N/A
310220000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ4.5×60	N/A

UHC Cannulated Screw 3.0/3.5/4.0/4.5/6.5/7.3

Hệ thống vít xỏ rỗng UHC 3.0/3.5/4.0/4.5/6.5/7.3

7.3mm UHC Cannulated Screw

Vít rỗng xỏ rỗng 7.3mm



Remarks	
Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	7.3mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	5.0mm
Pitch: Bước ren:	2.75mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	8.0mm
Drill Bit: Mũi khoan:	5.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
310301000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×35	N/A
310302000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×40	N/A
310303000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×45	N/A
310304000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×50	N/A
310305000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×55	N/A
310317000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×60	N/A
310318000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×65	N/A
310319000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×70	N/A
310320000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×75	N/A
310321000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×80	N/A
310322000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×85	N/A
310323000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×90	N/A
310324000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×95	N/A
310325000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×100	N/A
310326000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×105	N/A
20600117	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×110	N/A
20600118	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×115	N/A
20600119	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×120	N/A
20600120	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×125	N/A
20600121	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×130	N/A
20600122	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×135	N/A
20600123	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×140	N/A
20600124	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×145	N/A
20600125	FD-I01	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ7.3×150	N/A

Titanium Bone Screw System 4.0/6.5
Hệ thống vít xương xóp 4.0/6.5

Washer
Long đèn



Remarks <i>Mô tả</i>

Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
--------------------------------	------------------------

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
3543640001	FWP 01	Φ3.0	N/A	N/A
3544640001	FWP 01	Φ4.0	N/A	N/A
3545640001	FWP 01	Φ4.5	N/A	N/A
3546650001	FWP 01	Φ6.5	N/A	N/A
3547750001	FWP 01	Φ7.3	N/A	N/A

DHC Cannulated Screw 2.4/3.0/4.5/6.5

Hệ thống vít rỗng DHC 2.4/3.0/4.5/6.5

2.4mm DHC Cannulated Screw

Vít xóp rỗng nén ép không đầu DHC 2.4mm



Remarks	
Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	2.4mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	2.0mm
Pitch: Bước ren:	1.2mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	3.25mm
Drill Bit: Mũi khoan:	1.9mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3116624009	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×9	N/A
3116624010	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×10	N/A
3116624011	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×11	N/A
3116624012	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×12	N/A
3116624013	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×13	N/A
3116624014	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×14	N/A
3116624015	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×15	N/A
3116624016	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×16	N/A
3116624018	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×18	N/A
3116624020	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×20	N/A
3116624022	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×22	N/A
3116624024	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×24	N/A
3116624026	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×26	N/A
3116624028	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×28	N/A
3116624030	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nòng, tự taro	Φ2.4×30	N/A

DHC/LHC Cannulated Screw 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5

Hệ thống vít rỗng DHC/LHC 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5



3.0mm DHC Cannulated Screw

Vít xỏp rỗng nén ép không đầu DHC 3.0mm

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	3.0mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	2.4mm
Pitch: Bước ren:	1.25mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	3.5mm
Drill Bit: Mũi khoan:	1.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
311307000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×10	N/A
311308000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×12	N/A
311309000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×14	N/A
311301000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×16	N/A
311302000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×18	N/A
311303000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×20	N/A
311304000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×22	N/A
311305000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×24	N/A
311310000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×26	N/A
311311000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×28	N/A
311312000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×30	N/A
311313000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×32	N/A
311314000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×34	N/A
311315000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×36	N/A
311316000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nông, tự tào	Φ3.0×38	N/A

DHC/LHC Cannulated Screw 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5
Hệ thống vít rỗng DHC/LHC 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5
4.5mm DHC Cannulated Screw
Vít xóp rỗng nén ép không đầu DHC 4.5mm


Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: <i>Đường kính thân vít:</i>	4.5mm
Core Dia: <i>Đường kính lõi vít:</i>	3.0mm
Pitch: <i>Bước ren:</i>	1.75mm
Head Dia: <i>Đường kính đầu vít:</i>	5.0mm
Drill Bit: <i>Mũi khoan:</i>	1.6mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
311017000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×25	N/A
311018000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×30	N/A
311019000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×35	N/A
311020000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×40	N/A
311021000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×45	N/A
311022000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×50	N/A
311023000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×55	N/A
311024000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×60	N/A
311025000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×65	N/A
311026000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×70	N/A
311027000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×75	N/A
311028000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×80	N/A
311029000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×85	N/A
311030000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×90	N/A
311031000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×95	N/A
311032000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ4.5×100	N/A

DHC/LHC Cannulated Screw 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5
Hệ thống vít rỗng DHC/LHC 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5
5.0mm LHC Cannulated Screw
Vít xóp rỗng nén ép không đầu LHC 5.0mm


Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: <i>Đường kính thân vít:</i>	5.0mm
Core Dia: <i>Đường kính lõi vít:</i>	3.5mm
Pitch: <i>Bước ren:</i>	1.6 - 2.0mm
Head Dia: <i>Đường kính đầu vít:</i>	6.0mm
Drill Bit: <i>Mũi khoan:</i>	1.5mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
3114650030	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×30	N/A
3114650035	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×35	N/A
3114650040	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×40	N/A
3114650045	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×45	N/A
3114650050	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×50	N/A
3114650055	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×55	N/A
3114650060	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×60	N/A
3114650065	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×65	N/A
3114650070	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×70	N/A
3114650075	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×75	N/A
3114650080	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×80	N/A
3114650085	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×85	N/A
3114650090	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×90	N/A
3114650095	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×95	N/A
3114650100	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nòng, tự taro</i>	Φ5.0×100	N/A

DHC Cannulated Screw 2.4/3.0/4.5/6.5
Hệ thống vít rỗng DHC 2.4/3.0/4.5/6.5
6.5mm DHC Cannulated Screw
Vít xỏp rỗng nén ép không đầu DHC 6.5mm


Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: <i>Đường kính thân vít:</i>	6.5mm
Core Dia: <i>Đường kính lõi vít:</i>	4.5mm
Pitch: <i>Bước ren:</i>	2.75mm
Head Dia: <i>Đường kính đầu vít:</i>	8.0mm
Drill Bit: <i>Mũi khoan:</i>	4.5mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
311117000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×25	N/A
311118000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×30	N/A
311119000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×35	N/A
311120000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×40	N/A
311121000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×45	N/A
311122000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×50	N/A
311123000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×55	N/A
311124000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×60	N/A
311125000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×65	N/A
311126000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×70	N/A
311127000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×75	N/A
311128000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×80	N/A
311129000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×85	N/A
311130000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×90	N/A
311131000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×95	N/A
311132000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nông, tự tào</i>	Φ6.5×100	N/A

DHC/LHC Cannulated Screw 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5
Hệ thống vít rỗng DHC/LHC 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5

2.5mm LHC Cannulated Screw
Vít xỏp rỗng nén ép xương thuyền LHC 2.5mm

Remarks Mô tả	
Material: Chất liệu:	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: Đường kính thân vít:	2.4 - 2.5mm
Core Dia: Đường kính lõi vít:	1.7mm
Pitch: Bước ren:	0.6 - 0.8mm
Head Dia: Đường kính đầu vít:	2.5mm
Drill Bit: Mũi khoan:	0.88mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
3112625008	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×8	N/A
3112625010	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×10	N/A
3112625011	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×11	N/A
3112625012	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×12	N/A
3112625013	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×13	N/A
3112625014	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×14	N/A
3112625016	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×16	N/A
3112625018	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×18	N/A
3112625020	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×20	N/A
3112625022	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×22	N/A
3112625024	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×24	N/A
3112625026	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×26	N/A
3112625028	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×28	N/A
3112625030	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping Rỗng nõng, tự tào	Φ2.5×30	N/A

DHC/LHC Cannulated Screw 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5
Hệ thống vít rỗng DHC/LHC 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5
3.5mm LHC Cannulated Screw
Vít xóp rỗng nén ép xương thuyền LHC 3.5mm


Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: <i>Đường kính thân vít:</i>	3.5mm
Core Dia: <i>Đường kính lõi vít:</i>	3.0mm
Pitch: <i>Bước ren:</i>	1 - 1.33mm
Head Dia: <i>Đường kính đầu vít:</i>	5.0mm
Drill Bit: <i>Mũi khoan:</i>	1.1mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
3112635016	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×16	N/A
3112635018	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×18	N/A
3112635020	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×20	N/A
3112635022	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×22	N/A
3112635024	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×24	N/A
3112635026	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×26	N/A
3112635028	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×28	N/A
3112635030	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×30	N/A
3112635032	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×32	N/A
3112635034	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×34	N/A
3112635036	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×36	N/A
3112635038	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×38	N/A
3112635040	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×40	N/A
3112635042	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×42	N/A
3112635044	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×44	N/A
3112635046	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×46	N/A
3112635048	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×48	N/A
3112635050	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ3.5×50	N/A

DHC/LHC Cannulated Screw 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5
Hệ thống vít rỗng DHC/LHC 2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0/6.5
4.0mm LHC Cannulated Screw
Vít xóp rỗng nén ép xương thuyền LHC 4.0mm


Remarks <i>Mô tả</i>	
Material: <i>Chất liệu:</i>	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: <i>Đường kính thân vít:</i>	4.0mm
Core Dia: <i>Đường kính lõi vít:</i>	3.8mm
Pitch: <i>Bước ren:</i>	1.2 - 1.6mm
Head Dia: <i>Đường kính đầu vít:</i>	5.5mm
Drill Bit: <i>Mũi khoan:</i>	1.2mm

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
3113640020	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ4.0×20	N/A
3113640025	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ4.0×25	N/A
3113640030	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ4.0×30	N/A
3113640035	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ4.0×35	N/A
3113640040	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ4.0×40	N/A
3113640045	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ4.0×45	N/A
3113640050	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ4.0×50	N/A
3113640055	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ4.0×55	N/A
3113640060	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping <i>Rỗng nõng, tự taro</i>	Φ4.0×60	N/A

Intramedullary Nail

Đinh nội tửy nhĩ



Intramedullary Nail

Đinh nội tửy nhĩ

Remarks	
Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Dia. (mm) (Đường kính):	1.5/2.0/2.5/3.0/3.5/4.0

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4301615300	FDK02	φ1.5×300	300	N/A
4301620440	FDK02	φ2.0×440	440	N/A
4301625440	FDK02	φ2.5×440	440	N/A
4301630440	FDK02	φ3.0×440	440	N/A
4301635440	FDK02	φ3.5×440	440	N/A
4301640440	FDK02	φ4.0×440	440	N/A



Stabilizing Bolt

Nắp đinh nhĩ

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
4302600025	FWSEQB01	φ2.5	21.5	N/A
4303600040	FWSEQB01	φ4.0	21.5	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi PFNA

PFNA Short Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi PFNA ngắn



Remarks Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Proximal Dia. (mm): (Đường kính đầu đinh):	16mm
CDD:	4.5mm
Entry point (Điểm vào):	Greater trochanter Mấu chuyển lớn
Body (Thân đinh):	Hollow Rỗng
Top holes (Lỗ đầu gần):	1
Bottom holes (Lỗ đầu xa):	1

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20700461	FDK04	Φ9×170	170	N/A
20700462	FDK04	Φ9×200	200	N/A
20700463	FDK04	Φ9×240	240	N/A
20700452	FDK04	Φ10×170	170	N/A
20700453	FDK04	Φ10×200	200	N/A
20700454	FDK04	Φ10×240	240	N/A
20700455	FDK04	Φ11×170	170	N/A
20700456	FDK04	Φ11×200	200	N/A
20700457	FDK04	Φ11×240	240	N/A
20700458	FDK04	Φ12×170	170	N/A
20700459	FDK04	Φ12×200	200	N/A
20700460	FDK04	Φ12×240	240	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương đùi PFNA

PFNA Long Femoral Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương đùi PFNA dài



Remarks Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Proximal Dia. (mm): (Đường kính đầu đinh):	16mm
CDD:	4,5mm
Entry point (Điểm vào):	Greater trochanter (Mấu chuyển lớn)
Body (Thân đinh):	Hollow (Rỗng)
Top holes (Lỗ đầu gần):	1
Bottom holes (Lỗ đầu xa):	2

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Đài	Remarks Mô tả
20700396	FDK04	Left, $\Phi 9 \times 300$ ($\Phi 9 \times 300$, trái)	300	N/A
20700408	FDK04	Right, $\Phi 9 \times 300$ ($\Phi 9 \times 300$, phải)	300	N/A
20700420	FDK04	Left, $\Phi 9 \times 320$ ($\Phi 9 \times 320$, trái)	320	N/A
20700436	FDK04	Right, $\Phi 9 \times 320$ ($\Phi 9 \times 320$, phải)	320	N/A
20700397	FDK04	Left, $\Phi 9 \times 340$ ($\Phi 9 \times 340$, trái)	340	N/A
20700409	FDK04	Right, $\Phi 9 \times 340$ ($\Phi 9 \times 340$, phải)	340	N/A
20700421	FDK04	Left, $\Phi 9 \times 360$ ($\Phi 9 \times 360$, trái)	360	N/A
20700437	FDK04	Right, $\Phi 9 \times 360$ ($\Phi 9 \times 360$, phải)	360	N/A
20700398	FDK04	Left, $\Phi 9 \times 380$ ($\Phi 9 \times 380$, trái)	380	N/A
20700410	FDK04	Right, $\Phi 9 \times 380$ ($\Phi 9 \times 380$, phải)	380	N/A
20700422	FDK04	Left, $\Phi 9 \times 400$ ($\Phi 9 \times 400$, trái)	400	N/A
20700438	FDK04	Right, $\Phi 9 \times 400$ ($\Phi 9 \times 400$, phải)	400	N/A
20700399	FDK04	Left, $\Phi 9 \times 420$ ($\Phi 9 \times 420$, trái)	420	N/A
20700411	FDK04	Right, $\Phi 9 \times 420$ ($\Phi 9 \times 420$, phải)	420	N/A
20700400	FDK04	Left, $\Phi 10 \times 300$ ($\Phi 10 \times 300$, trái)	300	N/A
20700412	FDK04	Right, $\Phi 10 \times 300$ ($\Phi 10 \times 300$, phải)	300	N/A
20700423	FDK04	Left, $\Phi 10 \times 320$ ($\Phi 10 \times 320$, trái)	320	N/A
20700439	FDK04	Right, $\Phi 10 \times 320$ ($\Phi 10 \times 320$, phải)	320	N/A
20700401	FDK04	Left, $\Phi 10 \times 340$ ($\Phi 10 \times 340$, trái)	340	N/A
20700413	FDK04	Right, $\Phi 10 \times 340$ ($\Phi 10 \times 340$, phải)	340	N/A
20700424	FDK04	Left, $\Phi 10 \times 360$ ($\Phi 10 \times 360$, trái)	360	N/A
20700440	FDK04	Right, $\Phi 10 \times 360$ ($\Phi 10 \times 360$, phải)	360	N/A
20700402	FDK04	Left, $\Phi 10 \times 380$ ($\Phi 10 \times 380$, trái)	380	N/A
20700414	FDK04	Right, $\Phi 10 \times 380$ ($\Phi 10 \times 380$, phải)	380	N/A
20700425	FDK04	Left, $\Phi 10 \times 400$ ($\Phi 10 \times 400$, trái)	400	N/A
20700441	FDK04	Right, $\Phi 10 \times 400$ ($\Phi 10 \times 400$, phải)	400	N/A
20700403	FDK04	Left, $\Phi 10 \times 420$ ($\Phi 10 \times 420$, trái)	420	N/A
20700415	FDK04	Right, $\Phi 10 \times 420$ ($\Phi 10 \times 420$, phải)	420	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi PFNA

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Đài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
20700404	FDK04	Left, $\Phi 11 \times 300$ ($\Phi 11 \times 300$, trái)	300	N/A
20700416	FDK04	Right, $\Phi 11 \times 300$ ($\Phi 11 \times 300$, phải)	300	N/A
20700426	FDK04	Left, $\Phi 11 \times 320$ ($\Phi 11 \times 320$, trái)	320	N/A
20700442	FDK04	Right, $\Phi 11 \times 320$ ($\Phi 11 \times 320$, phải)	320	N/A
20700405	FDK04	Left, $\Phi 11 \times 340$ ($\Phi 11 \times 340$, trái)	340	N/A
20700417	FDK04	Right, $\Phi 11 \times 340$ ($\Phi 11 \times 340$, phải)	340	N/A
20700427	FDK04	Left, $\Phi 11 \times 360$ ($\Phi 11 \times 360$, trái)	360	N/A
20700443	FDK04	Right, $\Phi 11 \times 360$ ($\Phi 11 \times 360$, phải)	360	N/A
20700406	FDK04	Left, $\Phi 11 \times 380$ ($\Phi 11 \times 380$, trái)	380	N/A
20700418	FDK04	Right, $\Phi 11 \times 380$ ($\Phi 11 \times 380$, phải)	380	N/A
20700428	FDK04	Left, $\Phi 11 \times 400$ ($\Phi 11 \times 400$, trái)	400	N/A
20700444	FDK04	Right, $\Phi 11 \times 400$ ($\Phi 11 \times 400$, phải)	400	N/A
20700407	FDK04	Left, $\Phi 11 \times 420$ ($\Phi 11 \times 420$, trái)	420	N/A
20700419	FDK04	Right, $\Phi 11 \times 420$ ($\Phi 11 \times 420$, phải)	420	N/A
20700429	FDK04	Left, $\Phi 12 \times 300$ ($\Phi 12 \times 300$, trái)	300	N/A
20700445	FDK04	Right, $\Phi 12 \times 300$ ($\Phi 12 \times 300$, phải)	300	N/A
20700430	FDK04	Left, $\Phi 12 \times 320$ ($\Phi 12 \times 320$, trái)	320	N/A
20700446	FDK04	Right, $\Phi 12 \times 320$ ($\Phi 12 \times 320$, phải)	320	N/A
20700431	FDK04	Left, $\Phi 12 \times 340$ ($\Phi 12 \times 340$, trái)	340	N/A
20700447	FDK04	Right, $\Phi 12 \times 340$ ($\Phi 12 \times 340$, phải)	340	N/A
20700432	FDK04	Left, $\Phi 12 \times 360$ ($\Phi 12 \times 360$, trái)	360	N/A
20700448	FDK04	Right, $\Phi 12 \times 360$ ($\Phi 12 \times 360$, phải)	360	N/A
20700433	FDK04	Left, $\Phi 12 \times 380$ ($\Phi 12 \times 380$, trái)	380	N/A
20700449	FDK04	Right, $\Phi 12 \times 380$ ($\Phi 12 \times 380$, phải)	380	N/A
20700434	FDK04	Left, $\Phi 12 \times 400$ ($\Phi 12 \times 400$, trái)	400	N/A
20700450	FDK04	Right, $\Phi 12 \times 400$ ($\Phi 12 \times 400$, phải)	400	N/A
20700435	FDK04	Left, $\Phi 12 \times 420$ ($\Phi 12 \times 420$, trái)	420	N/A
20700451	FDK04	Right, $\Phi 12 \times 420$ ($\Phi 12 \times 420$, phải)	420	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi PFNA

Anti Rotation Compression Nail - II
Lưỡi đinh nén chống xoay - II



Remarks Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Dia. (mm) (Đường kính):	10mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20700464	FKX02	Φ10×70	70	N/A
20700465	FKX02	Φ10×75	75	N/A
20700466	FKX02	Φ10×80	80	N/A
20700467	FKX02	Φ10×85	85	N/A
20700468	FKX02	Φ10×90	90	N/A
20700469	FKX02	Φ10×95	95	N/A
20700470	FKX02	Φ10×100	100	N/A
20700471	FKX02	Φ10×105	105	N/A
20700472	FKX02	Φ10×110	110	N/A
20700473	FKX02	Φ10×115	115	N/A
20700474	FKX02	Φ10×120	120	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương đùi PFNA

5.0mm Interlocking Screw - III

Vít chốt đinh 5.0mm



Remarks Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia (Đường kính thân vít):	5.0mm
Core Dia (Đường kính lõi vít):	3.9mm
Pitch (Bước ren):	1.75mm
Head Dia (Đường kính đầu vít):	8.0mm
Drill Bit (Mũi khoan):	4.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20700507	FJS03	Φ5.0 × 26	26	N/A
20700508	FJS03	Φ5.0 × 28	28	N/A
20700509	FJS03	Φ5.0 × 30	30	N/A
20700510	FJS03	Φ5.0 × 32	32	N/A
20700511	FJS03	Φ5.0 × 34	34	N/A
20700512	FJS03	Φ5.0 × 36	36	N/A
20700513	FJS03	Φ5.0 × 38	38	N/A
20700514	FJS03	Φ5.0 × 40	40	N/A
20700515	FJS03	Φ5.0 × 42	42	N/A
20700516	FJS03	Φ5.0 × 44	44	N/A
20700517	FJS03	Φ5.0 × 46	46	N/A
20700518	FJS03	Φ5.0 × 48	48	N/A
20700519	FJS03	Φ5.0 × 50	50	N/A
20700520	FJS03	Φ5.0 × 52	52	N/A
20700521	FJS03	Φ5.0 × 54	54	N/A
20700522	FJS03	Φ5.0 × 56	56	N/A
20700523	FJS03	Φ5.0 × 58	58	N/A
20700524	FJS03	Φ5.0 × 60	60	N/A
20700525	FJS03	Φ5.0 × 62	62	N/A
20700526	FJS03	Φ5.0 × 64	64	N/A
20700527	FJS03	Φ5.0 × 66	66	N/A
20700528	FJS03	Φ5.0 × 68	68	N/A
20700529	FJS03	Φ5.0 × 70	70	N/A
20700530	FJS03	Φ5.0 × 72	72	N/A
20700531	FJS03	Φ5.0 × 74	74	N/A
20700532	FJS03	Φ5.0 × 76	76	N/A
20700533	FJS03	Φ5.0 × 78	78	N/A
20700534	FJS03	Φ5.0 × 80	80	N/A
20700535	FJS03	Φ5.0 × 85	85	N/A
20700536	FJS03	Φ5.0 × 90	90	N/A
20700537	FJS03	Φ5.0 × 95	95	N/A
20700538	FJS03	Φ5.0 × 100	100	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi PFNA



Locking Head - I
Nắp đinh - I

Remarks Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Dia. (mm) (Đường kính):	6.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20700540	FSTQQB01	0, $\Phi 6.0 \times 28.5$	28.5	N/A
20700541	FSTQQB01	5, $\Phi 6.0 \times 33.5$	33.5	N/A
20700542	FSTQQB01	10, $\Phi 6.0 \times 38.5$	38.5	N/A
20700543	FSTQQB01	15, $\Phi 6.0 \times 43.5$	43.5	N/A

Femoral Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương đùi



Femoral Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương đùi

Remarks	
Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Proximal Dia.(mm) (Đường kính đầu đinh):	13mm
CDD:	3.5mm
Entry point (Điểm vào):	Greater trochanter (Mấu chuyển lớn)
Body (Thân đinh):	Hollow (Rỗng)
Top holes (Lỗ đầu gần):	4
Bottom holes (Lỗ đầu xa):	3

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Đài	Remarks Mô tả
20700669	FDK08	Left, $\Phi 9 \times 300$ ($\Phi 9 \times 300$, trái)	300	N/A
20700670	FDK08	Left, $\Phi 9 \times 320$ ($\Phi 9 \times 320$, trái)	320	N/A
20700671	FDK08	Left, $\Phi 9 \times 340$ ($\Phi 9 \times 340$, trái)	340	N/A
20700672	FDK08	Left, $\Phi 9 \times 360$ ($\Phi 9 \times 360$, trái)	360	N/A
20700673	FDK08	Left, $\Phi 9 \times 380$ ($\Phi 9 \times 380$, trái)	380	N/A
20700674	FDK08	Left, $\Phi 9 \times 400$ ($\Phi 9 \times 400$, trái)	400	N/A
20700675	FDK08	Left, $\Phi 9 \times 420$ ($\Phi 9 \times 420$, trái)	420	N/A
20700676	FDK08	Left, $\Phi 9 \times 440$ ($\Phi 9 \times 440$, trái)	440	N/A
20700677	FDK08	Left, $\Phi 9 \times 460$ ($\Phi 9 \times 460$, trái)	460	N/A
20700678	FDK08	Right, $\Phi 9 \times 300$ ($\Phi 9 \times 300$, phải)	300	N/A
20700679	FDK08	Right, $\Phi 9 \times 320$ ($\Phi 9 \times 320$, phải)	320	N/A
20700680	FDK08	Right, $\Phi 9 \times 340$ ($\Phi 9 \times 340$, phải)	340	N/A
20700681	FDK08	Right, $\Phi 9 \times 360$ ($\Phi 9 \times 360$, phải)	360	N/A
20700682	FDK08	Right, $\Phi 9 \times 380$ ($\Phi 9 \times 380$, phải)	380	N/A
20700683	FDK08	Right, $\Phi 9 \times 400$ ($\Phi 9 \times 400$, phải)	400	N/A
20700684	FDK08	Right, $\Phi 9 \times 420$ ($\Phi 9 \times 420$, phải)	420	N/A
20700685	FDK08	Right, $\Phi 9 \times 440$ ($\Phi 9 \times 440$, phải)	440	N/A
20700686	FDK08	Right, $\Phi 9 \times 460$ ($\Phi 9 \times 460$, phải)	460	N/A
20700687	FDK08	Left, $\Phi 10 \times 300$ ($\Phi 10 \times 300$, trái)	300	N/A
20700688	FDK08	Left, $\Phi 10 \times 320$ ($\Phi 10 \times 320$, trái)	320	N/A
20700689	FDK08	Left, $\Phi 10 \times 340$ ($\Phi 10 \times 340$, trái)	340	N/A
20700690	FDK08	Left, $\Phi 10 \times 360$ ($\Phi 10 \times 360$, trái)	360	N/A
20700691	FDK08	Left, $\Phi 10 \times 380$ ($\Phi 10 \times 380$, trái)	380	N/A
20700692	FDK08	Left, $\Phi 10 \times 400$ ($\Phi 10 \times 400$, trái)	400	N/A
20700693	FDK08	Left, $\Phi 10 \times 420$ ($\Phi 10 \times 420$, trái)	420	N/A
20700694	FDK08	Left, $\Phi 10 \times 440$ ($\Phi 10 \times 440$, trái)	440	N/A
20700695	FDK08	Left, $\Phi 10 \times 460$ ($\Phi 10 \times 460$, trái)	460	N/A
20700696	FDK08	Right, $\Phi 10 \times 300$ ($\Phi 10 \times 300$, phải)	300	N/A
20700697	FDK08	Right, $\Phi 10 \times 320$ ($\Phi 10 \times 320$, phải)	320	N/A
20700698	FDK08	Right, $\Phi 10 \times 340$ ($\Phi 10 \times 340$, phải)	340	N/A
20700699	FDK08	Right, $\Phi 10 \times 360$ ($\Phi 10 \times 360$, phải)	360	N/A
20700700	FDK08	Right, $\Phi 10 \times 380$ ($\Phi 10 \times 380$, phải)	380	N/A
20700701	FDK08	Right, $\Phi 10 \times 400$ ($\Phi 10 \times 400$, phải)	400	N/A
20700702	FDK08	Right, $\Phi 10 \times 420$ ($\Phi 10 \times 420$, phải)	420	N/A
20700703	FDK08	Right, $\Phi 10 \times 440$ ($\Phi 10 \times 440$, phải)	440	N/A
20700704	FDK08	Right, $\Phi 10 \times 460$ ($\Phi 10 \times 460$, phải)	460	N/A

Femoral Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương đùi

Product No <i>Mã sản phẩm</i>	Model No <i>Mã Model</i>	Specification <i>Đặc điểm</i>	Length (mm) <i>Dài</i>	Remarks <i>Mô tả</i>
20700705	FDK08	Left, $\Phi 11 \times 300$ ($\Phi 11 \times 300$, trái)	300	N/A
20700706	FDK08	Left, $\Phi 11 \times 320$ ($\Phi 11 \times 320$, trái)	320	N/A
20700707	FDK08	Left, $\Phi 11 \times 340$ ($\Phi 11 \times 340$, trái)	340	N/A
20700708	FDK08	Left, $\Phi 11 \times 360$ ($\Phi 11 \times 360$, trái)	360	N/A
20700709	FDK08	Left, $\Phi 11 \times 380$ ($\Phi 11 \times 380$, trái)	380	N/A
20700710	FDK08	Left, $\Phi 11 \times 400$ ($\Phi 11 \times 400$, trái)	400	N/A
20700711	FDK08	Left, $\Phi 11 \times 420$ ($\Phi 11 \times 420$, trái)	420	N/A
20700712	FDK08	Left, $\Phi 11 \times 440$ ($\Phi 11 \times 440$, trái)	440	N/A
20700713	FDK08	Left, $\Phi 11 \times 460$ ($\Phi 11 \times 460$, trái)	460	N/A
20700714	FDK08	Right, $\Phi 11 \times 300$ ($\Phi 11 \times 300$, phải)	300	N/A
20700715	FDK08	Right, $\Phi 11 \times 320$ ($\Phi 11 \times 320$, phải)	320	N/A
20700716	FDK08	Right, $\Phi 11 \times 340$ ($\Phi 11 \times 340$, phải)	340	N/A
20700717	FDK08	Right, $\Phi 11 \times 360$ ($\Phi 11 \times 360$, phải)	360	N/A
20700718	FDK08	Right, $\Phi 11 \times 380$ ($\Phi 11 \times 380$, phải)	380	N/A
20700719	FDK08	Right, $\Phi 11 \times 400$ ($\Phi 11 \times 400$, phải)	400	N/A
20700720	FDK08	Right, $\Phi 11 \times 420$ ($\Phi 11 \times 420$, phải)	420	N/A
20700721	FDK08	Right, $\Phi 11 \times 440$ ($\Phi 11 \times 440$, phải)	440	N/A
20700722	FDK08	Right, $\Phi 11 \times 460$ ($\Phi 11 \times 460$, phải)	460	N/A
20700723	FDK08	Left, $\Phi 12 \times 300$ ($\Phi 12 \times 300$, trái)	300	N/A
20700724	FDK08	Left, $\Phi 12 \times 320$ ($\Phi 12 \times 320$, trái)	320	N/A
20700725	FDK08	Left, $\Phi 12 \times 340$ ($\Phi 12 \times 340$, trái)	340	N/A
20700726	FDK08	Left, $\Phi 12 \times 360$ ($\Phi 12 \times 360$, trái)	360	N/A
20700727	FDK08	Left, $\Phi 12 \times 380$ ($\Phi 12 \times 380$, trái)	380	N/A
20700728	FDK08	Left, $\Phi 12 \times 400$ ($\Phi 12 \times 400$, trái)	400	N/A
20700729	FDK08	Left, $\Phi 12 \times 420$ ($\Phi 12 \times 420$, trái)	420	N/A
20700730	FDK08	Left, $\Phi 12 \times 440$ ($\Phi 12 \times 440$, trái)	440	N/A
20700731	FDK08	Left, $\Phi 12 \times 460$ ($\Phi 12 \times 460$, trái)	460	N/A
20700732	FDK08	Right, $\Phi 12 \times 300$ ($\Phi 12 \times 300$, phải)	300	N/A
20700733	FDK08	Right, $\Phi 12 \times 320$ ($\Phi 12 \times 320$, phải)	320	N/A
20700734	FDK08	Right, $\Phi 12 \times 340$ ($\Phi 12 \times 340$, phải)	340	N/A
20700735	FDK08	Right, $\Phi 12 \times 360$ ($\Phi 12 \times 360$, phải)	360	N/A
20700736	FDK08	Right, $\Phi 12 \times 380$ ($\Phi 12 \times 380$, phải)	380	N/A
20700737	FDK08	Right, $\Phi 12 \times 400$ ($\Phi 12 \times 400$, phải)	400	N/A
20700738	FDK08	Right, $\Phi 12 \times 420$ ($\Phi 12 \times 420$, phải)	420	N/A
20700739	FDK08	Right, $\Phi 12 \times 440$ ($\Phi 12 \times 440$, phải)	440	N/A
20700740	FDK08	Right, $\Phi 12 \times 460$ ($\Phi 12 \times 460$, phải)	460	N/A

Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi

6.5mm Interlocking Screw - V
Vít chốt đỉnh 6.5mm - V



Remarks Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia (Đường kính thân vít):	6.5mm
Core Dia (Đường kính lõi vít):	4.5mm
Pitch (Bước ren):	2.5mm
Head Dia (Đường kính đầu vít):	8.0mm
Drill Bit (Mũi khoan):	5.2mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20700741	FJSEZN05	Φ6.5×60	60	N/A
20700742	FJSEZN05	Φ6.5×65	65	N/A
20700743	FJSEZN05	Φ6.5×70	70	N/A
20700744	FJSEZN05	Φ6.5×75	75	N/A
20700745	FJSEZN05	Φ6.5×80	80	N/A
20700746	FJSEZN05	Φ6.5×85	85	N/A
20700747	FJSEZN05	Φ6.5×90	90	N/A
20700748	FJSEZN05	Φ6.5×95	95	N/A
20700749	FJSEZN05	Φ6.5×100	100	N/A
20700750	FJSEZN05	Φ6.5×105	105	N/A
20700751	FJSEZN05	Φ6.5×110	110	N/A
20700752	FJSEZN05	Φ6.5×115	115	N/A

Femoral Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương đùi

5.0mm Interlocking Screw - III

Vít chốt đinh 5.0mm



Remarks Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia (Đường kính thân vít):	5.0mm
Core Dia (Đường kính lõi vít):	3.9mm
Pitch (Bước ren):	1.75mm
Head Dia (Đường kính đầu vít):	8.0mm
Drill Bit (Mũi khoan):	4.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20700507	FJS03	Φ5.0 × 26	26	N/A
20700508	FJS03	Φ5.0 × 28	28	N/A
20700509	FJS03	Φ5.0 × 30	30	N/A
20700510	FJS03	Φ5.0 × 32	32	N/A
20700511	FJS03	Φ5.0 × 34	34	N/A
20700512	FJS03	Φ5.0 × 36	36	N/A
20700513	FJS03	Φ5.0 × 38	38	N/A
20700514	FJS03	Φ5.0 × 40	40	N/A
20700515	FJS03	Φ5.0 × 42	42	N/A
20700516	FJS03	Φ5.0 × 44	44	N/A
20700517	FJS03	Φ5.0 × 46	46	N/A
20700518	FJS03	Φ5.0 × 48	48	N/A
20700519	FJS03	Φ5.0 × 50	50	N/A
20700520	FJS03	Φ5.0 × 52	52	N/A
20700521	FJS03	Φ5.0 × 54	54	N/A
20700522	FJS03	Φ5.0 × 56	56	N/A
20700523	FJS03	Φ5.0 × 58	58	N/A
20700524	FJS03	Φ5.0 × 60	60	N/A
20700525	FJS03	Φ5.0 × 62	62	N/A
20700526	FJS03	Φ5.0 × 64	64	N/A
20700527	FJS03	Φ5.0 × 66	66	N/A
20700528	FJS03	Φ5.0 × 68	68	N/A
20700529	FJS03	Φ5.0 × 70	70	N/A
20700530	FJS03	Φ5.0 × 72	72	N/A
20700531	FJS03	Φ5.0 × 74	74	N/A
20700532	FJS03	Φ5.0 × 76	76	N/A
20700533	FJS03	Φ5.0 × 78	78	N/A
20700534	FJS03	Φ5.0 × 80	80	N/A
20700535	FJS03	Φ5.0 × 85	85	N/A
20700536	FJS03	Φ5.0 × 90	90	N/A
20700537	FJS03	Φ5.0 × 95	95	N/A
20700538	FJS03	Φ5.0 × 100	100	N/A

Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi

Locking Head - III
Nắp đinh - III



Remarks Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Dia. (mm) (Đường kính):	6.7mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20700753	FSTQQB03	$\Phi 6.7 \times 11.5$	11.5	N/A
20700754	FSTQQB03	$\Phi 6.7 \times 16.5$	16.5	N/A
20700755	FSTQQB03	$\Phi 6.7 \times 21.5$	21.5	N/A
20700756	FSTQQB03	$\Phi 6.7 \times 26.5$	26.5	N/A

Tibial Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương chày

Tibial Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương chày



Remarks	
Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Proximal Dia. (mm) (Đường kính đầu đinh):	11mm
CDD:	4.2mm
Entry point (Điểm vào):	Greater trochanter (Mấu chuyển lớn)
Body (Thân đinh):	Hollow (Rỗng)
Top holes (Lỗ đầu gần):	5
Bottom holes (Lỗ đầu xa):	4

Product No	Model No	Specification	Length (mm)	Remarks
Mã sản phẩm	Mã Model	Đặc điểm	Đài	Mô tả
20700561	FDK01	Φ8.5 × 255	255	N/A
20700578	FDK01	Φ8.5 × 270	270	N/A
20700562	FDK01	Φ8.5 × 285	285	N/A
20700579	FDK01	Φ8.5 × 300	300	N/A
20700563	FDK01	Φ8.5 × 315	315	N/A
20700580	FDK01	Φ8.5 × 330	330	N/A
20700564	FDK01	Φ8.5 × 345	345	N/A
20700581	FDK01	Φ8.5 × 360	360	N/A
20700565	FDK01	Φ8.5 × 375	375	N/A
20700582	FDK01	Φ8.5 × 390	390	N/A
20700566	FDK01	Φ8.5 × 405	405	N/A
20700567	FDK01	Φ9 × 255	255	N/A
20700583	FDK01	Φ9 × 270	270	N/A
20700568	FDK01	Φ9 × 285	285	N/A
20700584	FDK01	Φ9 × 300	300	N/A
20700569	FDK01	Φ9 × 315	315	N/A
20700585	FDK01	Φ9 × 330	330	N/A
20700570	FDK01	Φ9 × 345	345	N/A
20700586	FDK01	Φ9 × 360	360	N/A
20700571	FDK01	Φ9 × 375	375	N/A
20700587	FDK01	Φ9 × 390	390	N/A
20700572	FDK01	Φ9 × 405	405	N/A
20700555	FDK01	Φ10 × 255	255	N/A
20700573	FDK01	Φ10 × 270	270	N/A
20700556	FDK01	Φ10 × 285	285	N/A
20700574	FDK01	Φ10 × 300	300	N/A
20700557	FDK01	Φ10 × 315	315	N/A
20700575	FDK01	Φ10 × 330	330	N/A
20700558	FDK01	Φ10 × 345	345	N/A
20700576	FDK01	Φ10 × 360	360	N/A
20700559	FDK01	Φ10 × 375	375	N/A
20700577	FDK01	Φ10 × 380	380	N/A
20700560	FDK01	Φ10 × 405	405	N/A

Tibial Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương chày

4.0mm Interlocking Screw - IV

Vít chốt đinh 4.0mm - IV



Remarks Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia (Đường kính thân vít):	4.0mm
Core Dia (Đường kính lõi vít):	3.4mm
Pitch (Bước ren):	2.5mm
Head Dia (Đường kính đầu vít):	8.0mm
Drill Bit (Mũi khoan):	3.2mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20700588	FJSFZM04	Φ4.0 × 24	24	N/A
20700589	FJSFZM04	Φ4.0 × 26	26	N/A
20700590	FJSFZM04	Φ4.0 × 28	28	N/A
20700591	FJSFZM04	Φ4.0 × 30	30	N/A
20700592	FJSFZM04	Φ4.0 × 32	32	N/A
20700593	FJSFZM04	Φ4.0 × 34	34	N/A
20700594	FJSFZM04	Φ4.0 × 36	36	N/A
20700595	FJSFZM04	Φ4.0 × 38	38	N/A
20700596	FJSFZM04	Φ4.0 × 40	40	N/A
20700597	FJSFZM04	Φ4.0 × 42	42	N/A
20700598	FJSFZM04	Φ4.0 × 44	44	N/A
20700599	FJSFZM04	Φ4.0 × 46	46	N/A
20700600	FJSFZM04	Φ4.0 × 48	48	N/A
20700601	FJSFZM04	Φ4.0 × 50	50	N/A
20700602	FJSFZM04	Φ4.0 × 52	52	N/A
20700603	FJSFZM04	Φ4.0 × 54	54	N/A
20700604	FJSFZM04	Φ4.0 × 56	56	N/A
20700605	FJSFZM04	Φ4.0 × 58	58	N/A
20700606	FJSFZM04	Φ4.0 × 60	60	N/A
20700607	FJSFZM04	Φ4.0 × 62	62	N/A
20700608	FJSFZM04	Φ4.0 × 64	64	N/A
20700609	FJSFZM04	Φ4.0 × 66	66	N/A
20700610	FJSFZM04	Φ4.0 × 68	68	N/A
20700611	FJSFZM04	Φ4.0 × 70	70	N/A
20700612	FJSFZM04	Φ4.0 × 72	72	N/A
20700613	FJSFZM04	Φ4.0 × 74	74	N/A
20700614	FJSFZM04	Φ4.0 × 76	76	N/A
20700615	FJSFZM04	Φ4.0 × 78	78	N/A
20700616	FJSFZM04	Φ4.0 × 80	80	N/A

Tibial Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương chày



5.0mm Interlocking Screw - IV

Vít chốt đinh 5.0mm - IV

Remarks Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia (Đường kính thân vít):	5.0mm
Core Dia (Đường kính lõi vít):	4.3mm
Pitch (Bước ren):	2.5mm
Head Dia (Đường kính đầu vít):	8.0mm
Drill Bit (Mũi khoan):	4.0mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20700617	FJSFZM04	Φ5.0 × 24	24	N/A
20700618	FJSFZM04	Φ5.0 × 26	26	N/A
20700619	FJSFZM04	Φ5.0 × 28	28	N/A
20700620	FJSFZM04	Φ5.0 × 30	30	N/A
20700621	FJSFZM04	Φ5.0 × 32	32	N/A
20700622	FJSFZM04	Φ5.0 × 34	34	N/A
20700623	FJSFZM04	Φ5.0 × 36	36	N/A
20700624	FJSFZM04	Φ5.0 × 38	38	N/A
20700625	FJSFZM04	Φ5.0 × 40	40	N/A
20700626	FJSFZM04	Φ5.0 × 42	42	N/A
20700627	FJSFZM04	Φ5.0 × 44	44	N/A
20700628	FJSFZM04	Φ5.0 × 46	46	N/A
20700629	FJSFZM04	Φ5.0 × 48	48	N/A
20700630	FJSFZM04	Φ5.0 × 50	50	N/A
20700631	FJSFZM04	Φ5.0 × 52	52	N/A
20700632	FJSFZM04	Φ5.0 × 54	54	N/A
20700633	FJSFZM04	Φ5.0 × 56	56	N/A
20700634	FJSFZM04	Φ5.0 × 58	58	N/A
20700635	FJSFZM04	Φ5.0 × 60	60	N/A
20700636	FJSFZM04	Φ5.0 × 62	62	N/A
20700637	FJSFZM04	Φ5.0 × 64	64	N/A
20700638	FJSFZM04	Φ5.0 × 66	66	N/A
20700639	FJSFZM04	Φ5.0 × 68	68	N/A
20700640	FJSFZM04	Φ5.0 × 70	70	N/A
20700641	FJSFZM04	Φ5.0 × 72	72	N/A
20700642	FJSFZM04	Φ5.0 × 74	74	N/A
20700643	FJSFZM04	Φ5.0 × 76	76	N/A
20700644	FJSFZM04	Φ5.0 × 78	78	N/A
20700645	FJSFZM04	Φ5.0 × 80	80	N/A
20700646	FJSFZM04	Φ5.0 × 85	85	N/A
20700647	FJSFZM04	Φ5.0 × 90	90	N/A
20700648	FJSFZM04	Φ5.0 × 95	95	N/A
20700649	FJSFZM04	Φ5.0 × 100	100	N/A

Tibial Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương chày

6.5mm Locking Head - II
Nắp đinh 6.5mm - II



Remarks Mô tả	
Material (Chất liệu):	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Dia. (mm) (Đường kính):	6.5mm

Product No Mã sản phẩm	Model No Mã Model	Specification Đặc điểm	Length (mm) Dài	Remarks Mô tả
20700664	FSTQQB02	0, $\Phi 6.5 \times 12$	12	N/A
20700665	FSTQQB02	5, $\Phi 6.5 \times 17$	17	N/A
20700666	FSTQQB02	15, $\Phi 6.5 \times 22$	22	N/A
20700667	FSTQQB02	20, $\Phi 6.5 \times 27$	27	N/A